

Số: 06/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty cổ phần Sông Đà 4

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Sông Đà 4;
- Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên số 01/BB-ĐHĐCĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2025 và Biên bản kiểm phiếu biểu quyết của cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 - Công ty cổ phần Sông Đà 4.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Sông Đà 4 quyết nghị các nội dung sau đây:

1. Không thông qua báo cáo của HĐQT đánh giá tình hình hoạt động SXKD của Công ty, hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024.
2. Không thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 (do Báo cáo tài chính có ý kiến loại trừ của đơn vị kiểm toán).
3. Không thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (do có ý kiến loại trừ của kiểm toán).
4. Không thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần Sông Đà 4.
5. Không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024.
6. Không thông qua Quyết toán thù lao của HĐQT và BKS công ty năm 2024 do kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty không đạt kế hoạch Đại hội cổ đông đề ra và Báo cáo tài chính có ý kiến loại trừ của đơn vị kiểm toán.
7. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2025 với các chỉ tiêu chính như sau:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2025
A	KẾ HOẠCH SXKD		
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	250
	Giá trị xây lắp	10 ⁹ đ	209,5
	Giá trị SX công nghiệp	10 ⁹ đ	40,5

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2025
A	KẾ HOẠCH SXKD		
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	244
3	Lợi nhuận		1,5
	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	1,5
4	Nộp ngân sách	10 ⁹ đ	25
5	Vốn điều lệ	10 ⁹ đ	103
6	Vốn chủ sở hữu	10 ⁹ đ	-6,27
7	Tổng tài sản	10 ⁹ đ	394,4
8	Dự kiến cổ tức	10 ⁹ đ	0
B	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	10 ⁹ đ	0

8. Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025:

Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập, thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty, cụ thể như sau:

- + Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C;
- + Công ty TNHH Kiểm toán Vaco;
- + Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán nêu trên thuộc danh sách được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại thời điểm kiểm toán và tổ chức thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

9. Thông qua Kế hoạch mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 cụ thể :

Ủy quyền cho HĐQT Công ty xây dựng và phê duyệt kế hoạch thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2025 theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

10. Thông qua miễn nhiệm 01 thành viên Ban Kiểm soát và bầu bổ sung 01 thành viên Ban Kiểm soát trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028 như sau:

10.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát đối với Ông Đỗ Đình Thoàn.

10.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên Ban Kiểm soát : Ông Trần Văn Minh- năm sinh: 1971; trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính; là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Sông Đà 4 trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023–2028.

Điều 2: Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị tổ chức, chỉ đạo, giám sát bộ máy điều hành Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, xem xét tình hình thực tế nhiệm vụ sản xuất kinh doanh để điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 cho phù hợp (nếu có sự thay đổi). Ban Kiểm soát thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết này.

Điều 3: Các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, bộ máy quản lý điều hành, tổ chức, cá nhân trong Công ty và cổ đông căn cứ Nghị quyết thực hiện.

Điều 4: Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 4 thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 28 tháng 4 năm 2025 với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBCK Nhà nước (b/c);
- Sở GDCK Hà Nội (b/c);
- Website Công ty;
- Lưu: HĐQT. 

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



Đặng Văn Chiến



Số: 01/BB-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4

I/. Thông tin chung:

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Sông Đà 4.
2. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, tòa nhà TM, KĐT Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Hà Nội.
3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày 15/11/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 15/11/2016 với mã số doanh nghiệp 5900189325, do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
4. Vốn điều lệ của doanh nghiệp là 103 tỷ đồng, trong đó vốn góp của Tổng công ty Sông Đà là 66,95 tỷ đồng (chiếm 65 % VDL Công ty), vốn của các cổ đông khác là 36,05 tỷ đồng (chiếm 35% VDL Công ty).

II/. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Thời gian: Từ 8 giờ 30 ngày 28 tháng 4 năm 2025.
2. Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Sông Đà 4, Tòa nhà TM, KĐT Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Hà Nội.

III/. Chương trình và nội dung cuộc họp:

1. Khai mạc Đại hội.
2. Báo cáo của Ban kiểm tra tư cách Đại hội cổ đông
3. Giới thiệu chủ tọa đại hội; Cử Thư ký Đại hội; Bầu Ban kiểm phiếu; Thông qua chương trình, nội dung Đại hội. Thông qua quy chế làm việc của Đại hội;
4. Hội đồng quản trị báo cáo đánh giá tình hình hoạt động SXKD của Công ty, hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, kế hoạch SXKD năm 2025.
5. Ban kiểm soát báo cáo kết quả kiểm toán, báo cáo tài chính tóm tắt, báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025;
6. Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.
7. Đại hội thảo luận.
8. Đại hội biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
9. Hội đồng quản trị trình miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028; Quy chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát.



10. Đại hội nghỉ giải lao
11. Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu các nội dung đại hội.
12. Thư ký báo cáo dự thảo Biên bản, nghị quyết Đại hội
13. Cổ đông biểu quyết thông qua Biên bản và nghị quyết Đại hội.
14. Bế mạc.

DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

I. Khai mạc và tuyên bố lý do triệu tập Đại hội:

Ông Phạm Duy Hiển, thay mặt Ban tổ chức Đại hội tuyên bố lý do triệu tập Đại hội. Theo đó, việc Hội đồng quản trị triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty cổ phần Sông Đà 4.

II. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội: Ông Phạm Văn Trọng - Trưởng Ban kiểm soát báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đến thời điểm 8h 45 phút, thứ hai ngày 28 tháng 4 năm 2025 như sau:

+ Tổng số cổ đông trực tiếp tham dự đại hội và người được cổ đông ủy quyền hợp lệ tham dự Đại hội là 10 cổ đông.

+ Tổng số cổ phần của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp là 6.857.930 cổ phần chiếm 66,58 % số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và khoản 1 Điều 18 Điều lệ Công ty cổ phần Sông Đà 4, ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đủ điều kiện để tiến hành các nội dung tiếp theo.

III. Giới thiệu chủ tọa; chỉ định và bầu các bộ phận giúp việc của Đại hội

3.1. Về nhân sự chủ tọa:

Ông Phạm Duy Hiển, thay mặt Ban tổ chức Đại hội giới thiệu Chủ tọa Đại hội là Ông Đặng Văn Chiến- Chủ tịch HĐQT Công ty, tham gia điều hành đại hội cùng chủ tọa gồm các Ông:

- + Ông Nguyễn Tiến Dũng- Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty
- + Ông Vương Đắc Hùng - Thành viên HĐQT.

3.2 Chỉ định thư ký Đại hội:

Ông Đặng Văn Chiến- Chủ tọa Đại hội, chỉ định thư ký đại hội gồm các ông/bà:

- Ông Hoàng Văn Thái – Phó phòng Kỹ thuật
- Bà Nguyễn Thị Lâm - phòng Kinh tế - Chiến lược

Các cổ đông tham dự Đại hội không có ý kiến khác về Ban thư ký Đại hội.

3.3 Thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu

Ông Đặng Văn Chiến - Chủ tọa Đại hội, đề cử nhân sự để Đại hội thông qua nhân sự Ban Kiểm phiếu, với số lượng 03 người gồm các ông có tên sau:

- Ông Lê Công Khương
- TP Kỹ thuật - Trưởng Ban

- Ông Phan Anh Dũng - TP Thiết bị Công nghệ - Thành viên
- Ông Mã Văn Dũng - TP Kinh tế Chiến lược - Thành viên

Các cổ đông không có ý kiến khác về nhân sự Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử.

Đại hội đã thống nhất bầu Ban kiểm phiếu như giới thiệu bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ biểu quyết nhất trí 100%, không có ý kiến khác.

IV. Chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức Đại hội:

Ông Vương Đức Hùng - thành viên HĐQT đã trình bày Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 để Đại hội xem xét biểu quyết thông qua.

Các cổ đông không có ý kiến khác bổ sung về Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ như đã được trình bày tại Đại hội.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ biểu quyết nhất trí 100%, không có ý kiến khác.

V. Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 4 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025:

Ông Nguyễn Tiến Dũng- Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty trình bày tại Đại hội bao gồm: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024; Báo cáo kết quả SXKD năm 2024; Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2025.

VI. Báo cáo của Ban Kiểm soát:

Ông Phạm Văn Trọng - Trưởng Ban Kiểm soát đọc Báo cáo kết quả kiểm toán và Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024, kế hoạch năm 2025.

VII. Hội đồng quản trị Công ty trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Ông Nguyễn Tiến Dũng- Thành viên Hội đồng quản trị trình bày trước đại hội Tờ trình của Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.

VIII. Trao đổi, thảo luận của các cổ đông

Phát biểu của ông Nguyễn Văn Ngọc – Cổ đông:

+ HĐQT nói rõ về các khoản công nợ phải thu ngắn hạn năm 2024 (361 tỷ đồng) giảm so với năm 2023 (461,9 tỷ đồng); Kế hoạch phát triển của Công ty năm nay và các năm tiếp theo (chủ trương cơ cấu của công ty về ngành nghề kinh doanh, kế hoạch đấu thầu, chiến lược kinh doanh).

*** Trả lời của Chủ tọa:**

Ông Vương Đắc Hùng- thay mặt Hội đồng quản trị nói rõ về khoản giảm công nợ phải thu ngắn hạn do năm 2024 nhiệm vụ trọng tâm của Công ty đó là công tác thu hồi vốn, Công ty đã hoàn thành quyết toán một số công trình đã đặt ra công tác quyết toán từ năm trước. Do vậy, khoản phải thu vào 31/12/2024 giảm so với cuối kỳ năm 2023.

Ông Nguyễn Tiến Dũng - Thay mặt Hội đồng quản trị báo cáo về kế hoạch phát triển của Công ty trong những năm tới đó là tập trung thu hồi công nợ; tìm kiếm việc làm trong lĩnh vực xây lắp trong giai đoạn 3-5 năm; đồng thời đẩy mạnh hoàn thiện các thủ tục pháp lý để thực hiện dự án đầu tư thủy điện Iagrai 3 mở rộng và điện mặt trời trên lòng hồ thủy điện Iagrai3.

Hội đồng quản trị tiếp thu các ý kiến đóng góp của ông Nguyễn Văn Ngọc làm rõ định hướng SXKD ngay tại Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Sông Đà 4 hợp bản thực hiện các góp ý trên.

IX. Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội.

X. Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông thông qua miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát; Quy chế bầu cử; nhân sự ứng viên Ban kiểm soát trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028.

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng- Thành viên Hội đồng quản trị đọc tờ trình của Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát;

2. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát;

3. Ông Nguyễn Tiến Dũng- Thành viên Hội đồng quản trị đọc tờ trình của Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông Quy chế bầu cử; nhân sự ứng viên Ban kiểm soát trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028.

4. Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số CP có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	6.857.930	100%
Không đồng ý	0	0%

5. Đại hội đồng cổ đông bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028.

XI. Đại hội nghỉ giải lao.

XII. Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết như sau:

1. Báo cáo của HĐQT đánh giá tình hình hoạt động SXKD của Công ty, hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, kế hoạch năm 2025.

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số CP có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	162.930	2,38%
Không đồng ý	6.695.000	97,62%
Không có ý kiến	0	0

2. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024, kế hoạch năm 2025.

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số CP có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	162.930	2,38%
Không đồng ý	6.695.000	97,62%
Không có ý kiến	0	0

3. Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số CP có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	162.930	2,38%
Không đồng ý	6.695.000	97,62%
Không có ý kiến	0	0

4. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 của công ty cổ phần Sông Đà 4.

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số CP có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	162.930	2,38%
Không đồng ý	6.695.000	97,62%
Không có ý kiến	0	0

5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024.

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số CP có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	162.930	2,38%
Không đồng ý	6.695.000	97,62%
Không có ý kiến	0	0

6. Kế hoạch SXKD năm 2025.

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số CP có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	6.857.930	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

7. Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số CP có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	6.857.930	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

8. Quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024.

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số CP có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	162.930	2,38%
Không đồng ý	6.695.000	97,62%
Không có ý kiến	0	0%

9. Kế hoạch mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025.

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số CP có quyền biểu quyết
----------------------	-----------------------	--

		của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	6.857.930	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Kết quả kiểm phiếu bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028:

STT	Họ và tên	Số quyền biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số CP có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
1	Ông Trần Văn Minh	6.857.930	100%

XIII. Các vấn đề không được thông qua tại đại hội:

1. Không thông qua báo cáo của HĐQT đánh giá tình hình hoạt động SXKD của Công ty, hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, kế hoạch năm 2025 (do không thông qua kết quả SXKD năm 2024 vì báo cáo tài chính năm 2024 có ý kiến loại trừ của kiểm toán).

2. Không thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024, kế hoạch năm 2025 (Do Ban kiểm soát thẩm định thống nhất với KQSXKD năm 2024 và Báo cáo tài chính năm 2024 trong khi Báo cáo tài chính có ý kiến loại trừ của kiểm toán).

3. Không thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (do có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán).

4. Không thông qua kết quả SXKD năm 2024.

5. Không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024.

6. Không thông qua Quyết toán thù lao của HĐQT và BKS công ty năm 2024 (Do báo cáo tài chính năm 2024 có ý kiến loại trừ của kiểm toán).

XIV. Các vấn đề được thông qua tại đại hội:

1. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2025 với các chỉ tiêu chính như sau:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2024
A	KẾ HOẠCH SXKD		
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	250
	Giá trị xây lắp	10 ⁹ đ	209,5
	Giá trị SX công nghiệp	10 ⁹ đ	40,5
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	244

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2024
A	KẾ HOẠCH SXKD		
3	Lợi nhuận trước thuế		1,5
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	1,5
5	Nộp ngân sách	10 ⁹ đ	25
6	Vốn điều lệ	10 ⁹ đ	-6,2
7	Vốn chủ sở hữu	10 ⁹ đ	103
8	Tổng tài sản	10 ⁹ đ	394,4
9	Dự kiến cổ tức	10 ⁹ đ	0
B	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	10 ⁹ đ	Không

2. Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025:

Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập, thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty, cụ thể như sau:

- + Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C;
- + Công ty TNHH Kiểm toán Vaco;
- + Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán nêu trên thuộc danh sách được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại thời điểm kiểm toán và tổ chức thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Thông qua kế hoạch mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025:

Ủy quyền cho HĐQT Công ty xây dựng và phê duyệt kế hoạch thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.

4. Thông qua miễn nhiệm 01 thành viên Ban kiểm soát và bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028 như sau:

a. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát đối với Ông Đỗ Đình Thoàn.

b. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát: Ông Trần Văn Minh - năm sinh 1971, nghề nghiệp: Cử nhân Tài chính là thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 4 trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023 – 2028.

XV. Báo cáo dự thảo biên bản và nghị quyết Đại hội

- Ông Hoàng Văn Thái thay mặt Ban Thư ký đại hội đọc dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 để Đại hội biểu quyết thông qua.

- Chủ tọa Đại hội xin ý kiến các cổ đông: Các cổ đông không có ý kiến khác bổ sung vào Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

- Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua toàn văn biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 ngay tại đại hội với tỷ lệ đồng ý là 100%.

XVI. Bế mạc đại hội

Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội; Đại hội đồng cổ đông kết thúc vào hồi 11 giờ 20 phút ngày 28 tháng 4 năm 2025./.



Đặng Văn Chiến

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Nguyễn Thị Lâm

Hoàng Văn Thái



Số: 07/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 4

*Đánh giá thực hiện nhiệm vụ SXKD, hoạt động của HĐQT trong năm 2024,
kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty cổ phần Sông Đà 4*

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 4

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về tình hình thực hiện SXKD năm 2024, hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2024, phương hướng nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty cổ phần Sông Đà 4, như sau:

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD
VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT CÔNG TY NĂM 2024**

I. Khái quát chung về Công ty:

1. Công ty cổ phần Sông Đà 4 là Công ty cổ phần hoạt động theo luật Doanh nghiệp Việt Nam, có trụ sở tại : Tầng 3, tòa nhà TM, KĐT Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, TP Hà Nội. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày 15/11/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 19/12/2024 với mã số doanh nghiệp 5900189325, do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

2. Vốn điều lệ (VĐL) của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 là 103 tỷ đồng, trong đó vốn góp của Tổng công ty Sông Đà là 66,95 tỷ đồng (chiếm 65 % VĐL), vốn của các cổ đông khác là 36,05 tỷ đồng (chiếm 35% VĐL).

3. Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã số SD4.

4. Tổ chức Công ty gồm:

4.1 Hội đồng quản trị: 05 thành viên

- | | |
|------------------------|-------------------|
| - Ông Đặng Văn Chiến | - Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Tiến Dũng | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Vương Đắc Hùng | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Đoàn Hùng Trường | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Vũ Hải Phong | - Thành viên HĐQT |

4.2 Ban kiểm soát: 03 thành viên

- | | |
|----------------------|-------------------------|
| - Ông Phạm Văn Trọng | - Trưởng Ban kiểm soát. |
| - Bà Vũ Thùy Chi | - Thành viên. |
| - Ông Đỗ Đình Thoàn | - Thành viên. |

4.3 Ban Tổng giám đốc điều hành và bộ phận giúp việc gồm: Ban kiểm soát nội bộ và 06 phòng chức năng (Phòng Tài chính Kế toán; Phòng Kinh tế Chiến lược; Phòng Tổ chức Nhân sự; Phòng Kỹ thuật; Phòng Đầu thầu; Phòng Thiết bị công nghệ).

4.4 Đơn vị trực thuộc gồm: Các CN405, CN406, CN407, CN408, CN409, CN410 tạm dừng thi công, 01 Ban chỉ huy và 01 Nhà máy thủy điện Iagrai3 kinh doanh sản xuất điện.

II. Báo cáo tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2024:

Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn, giá trị sản lượng thực hiện trong năm 2024 là công trình đã ký hợp đồng của năm trước. Công tác tìm kiếm việc làm đối với công trình mới để bổ sung sản lượng không đạt được. Công ty duy trì lực lượng cán bộ kỹ thuật hiện có để thực hiện nhiệm vụ trọng tâm cho công tác quyết toán các công trình hoàn thành thi công từ năm trước và công trình hoàn thành thi công trong năm 2024, số tiền giữ lại công nợ rất lớn tiếp tục ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty, giảm hiệu quả kinh doanh của đơn vị.

Tình hình tài chính của đơn vị rất khó khăn, công tác thu hồi nợ đạt kết quả thấp, Ngân hàng thắt chặt tín dụng, công tác ký hợp đồng hạn mức tín dụng mới còn nhiều vướng mắc do công ty chưa đáp ứng đủ kiện cấp tín dụng theo quy định của Ngân hàng cho vay. Mặt khác do chưa có hợp đồng thi công mới nên công tác cho vay giải ngân của Ngân hàng cũng không thực hiện được, đây là nguyên nhân chính ảnh hưởng đến việc luân chuyển dòng tiền của công ty. Công ty chậm thanh toán tiền lương cũng như chế độ đối với người lao động, chậm thực hiện nghĩa vụ thuế với Ngân sách Nhà nước, thiếu vật tư thi công dẫn đến công trình chậm tiến độ.

Do vậy, công tác điều hành và triển khai thi công tại các công trình gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng trực tiếp từ công tác thu hồi vốn từ các Chủ đầu tư đặc biệt là đối với công trình đã hoàn thành. Ban lãnh đạo công ty đã động viên cán bộ công nhân, người lao động các Chi nhánh chia sẻ khó khăn với công ty và chung sức, đồng hành để vượt qua giai đoạn khó khăn này.

Ban lãnh đạo Công ty và tập thể người lao động trên các công trường đã hết sức nỗ lực, cố gắng vượt khó, vượt khổ nhằm duy trì sản xuất kinh doanh. Đồng thời tập trung mọi nguồn lực để hoàn thiện hồ sơ để nghiệm thu thanh quyết toán các công trình đã hoàn thành thi công, tuy nhiên các chỉ tiêu chính đạt được trong năm 2024 đạt thấp cụ thể như sau:

1. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024:

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính như sau:

- + Tổng giá trị SXKD: Thực hiện 168,0 tỷ đồng/KH 191,4 tỷ đồng, đạt 88% KH năm.
- + Doanh thu: Thực hiện 171,4 tỷ đồng/KH 272,4 tỷ đồng, đạt 63% KH năm.
- + Lợi nhuận:
 - Lợi nhuận trước thuế : TH -42,7 tỷ đồng/KH 1,0 tỷ đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế : TH -42,7 tỷ đồng/KH 0,96 tỷ đồng.
- + Nộp ngân sách: TH 17,9 tỷ đồng/KH năm 39,0 tỷ đồng, đạt 46 % KH năm.
- + Vốn chủ sở hữu: TH -7,7 tỷ đồng/KH 35,03 tỷ đồng.
- + Tổng tài sản: TH 659,3 tỷ đồng /KH 555,0 tỷ đồng, đạt 118% KH năm.

- + Giá trị đầu tư: Không.
- + Tỷ lệ chia cổ tức: Không.

2. Đánh giá công tác quản lý của Công ty:

2.1 Công tác chỉ đạo điều hành thi công tại các công trình:

Năm 2024, do tình hình tài chính gặp rất nhiều khó khăn nên việc huy động nhân lực và chuẩn bị vật tư thi công chậm trễ đã ảnh hưởng đến công tác điều hành sản xuất tại các công trường. Cụ thể :

- Công trình thủy điện Ialy mở rộng: Hoàn thành các hạng mục theo tiến độ thi công với Tổng thầu.
- Công trình Trà Khúc 1: Hoàn thành thi công các hạng mục theo tiến độ thi công trong hợp đồng với Tổng thầu.
- Công trình hạ tầng kỹ thuật KĐT Nam Sông Ngân phố: Hoàn thành hạng mục công trình và bàn giao cho Chủ đầu tư đưa vào sử dụng.
- Công trình dừng thi công do Chủ đầu tư chưa thu xếp bổ sung được nguồn vốn cho dự án để thi công tiếp, công nợ, dở dang tồn đọng chưa giải quyết được như công trình Hồi Xuân.

Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực chỉ đạo điều hành đảm bảo tiến độ thi công một số công trình mà Công ty đảm nhận thi công và vận hành an toàn tuyệt đối Nhà máy thủy điện Iagrai 3.

- Hội đồng quản trị thay mặt cổ đông quản lý Công ty. Hội đồng quản trị ban hành các quy chế, quy định phân cấp, phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Đảm bảo sự điều hành không chồng chéo, các quy định ban hành phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật Nhà nước.

- Các Quy chế quản lý nội bộ Công ty được bổ sung, sửa đổi kịp thời để cho phù hợp với quy định của Pháp luật và yêu cầu thực tế công tác quản lý SXKD.

2.2 Công tác cơ cấu, tái cấu trúc doanh nghiệp:

- Hội đồng quản trị công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Báo cáo phương án sắp xếp lại Chi nhánh Công ty CP Sông Đà 4 - Nhà máy thủy điện Iagrai 3 trình Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

- Chỉ đạo chia tách phòng Kỹ thuật và Dự án – Đấu thầu, thành lập Phòng Quản lý kỹ thuật và Phòng Dự án đấu thầu tập trung tăng cường cho công tác tìm kiếm việc làm;

2.3 Công tác tiếp thị đấu thầu:

- Trong năm 2024, Công ty tập trung toàn bộ nhân lực cán bộ kỹ thuật phục vụ cho công tác quyết toán các công trình để thu hồi vốn.

- Do Công ty chưa cải thiện được tình hình tài chính nên việc tiếp cận tìm kiếm, dự thầu công trình mới gặp khó khăn. Tuy nhiên Công ty đã tiếp cận nhận thầu được 01 Hợp đồng hạng mục thi công San nền, giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, cấp điện chiếu sáng khu dân cư tập chung tại khu đô thị Nam Sông Ngân phố, thị trấn Tây Sơn, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, giá trị 43,5 tỷ đồng;

2.4 Công tác đào tạo, tuyển dụng lao động:

- Năm 2024 Công ty đã cân đối tuyển dụng bù đắp công nhân lao động thiếu hụt cho các công trường, đã đáp ứng nhu cầu SXKD. Tuy nhiên do khó khăn về tài chính công ty không tiến hành mở các lớp đào tạo theo kế hoạch.

2.5 Công tác kinh tế, tài chính kế toán, tín dụng.

- Công tác kinh tế:

+ Hoàn thành quyết toán các công trình Mông Ân, Mường Mít, gói móng Tua bin và quyết toán giai đoạn 1 gói hạ tầng dự án điện gió Lạc Hòa 2.

+ Hoàn thành gia hạn giấy phép hoạt động điện lực Nhà máy thủy điện Iagrai3.

+ Bám sát các chủ đầu tư để giải ngân kịp thời tiền KLXLHT tại các công trình Italy mở rộng, Trà Khúc 1, dự án KĐT nam sông Ngân phố.

+ Cung ứng kịp thời vật tư thi công công trình thủy điện Yaly mở rộng, công trình thủy điện Trà Khúc 1, dự án KĐT Nam sông Ngân phố.

- Công tác tài chính kế toán, tín dụng:

+ Kí kết Hợp đồng hạn mức vay vốn lưu động và Bảo lãnh năm 2024-2025 với Ngân hàng VCB, thực hiện trả nợ và vay vốn lưu động phục vụ thi công công trình.

+ Lập báo cáo tài chính định kì hàng quý, kiểm toán soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính năm.

+ Công bố thông tin về tình hình SXKD định kì của công ty theo quy định.

2.6 Công tác đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công:

Do công tác thu xếp vốn gặp khó khăn và tình hình thực tế thiết bị thi công, Công ty không triển khai công tác đầu tư máy móc thiết bị thi công.

III. Báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2024:

1. Hoạt động của HĐQT trong năm 2024:

- Thay mặt cổ đông, Hội đồng quản trị công ty quản lý Công ty hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. HĐQT quản lý Công ty bằng biện pháp ban hành các Quy chế quản lý nội bộ và Nghị quyết. Hàng quý hoặc đột xuất HĐQT họp với bộ máy điều hành để kiểm điểm việc thực hiện các Nghị quyết đã ban hành.

- HĐQT lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bộ máy điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong SXKD; thực hiện công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của Luật chứng khoán. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tôn trọng và đảm bảo quyền của cổ đông, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của Doanh nghiệp và các thành phần có liên quan khác.

- HĐQT phối hợp và hỗ trợ Tổng giám đốc giải quyết những vướng mắc với các đối tác trong công tác thanh toán thu hồi công nợ, công tác kinh tế, đấu thầu và tìm kiếm việc làm. Thường xuyên thảo luận giữa Chủ tịch HĐQT với Tổng giám đốc để đạt được sự thống nhất cao trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, đa số tán thành. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành. Trong năm 2024, Hội đồng quản trị

đã tổ chức 05 phiên họp định kỳ và bất thường để xem xét quyết định các vấn đề quản lý của Công ty theo thẩm quyền Hội đồng quản trị.

- Các cuộc họp HĐQT đều có đủ số thành viên theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

- Các Nghị quyết và quyết định Hội đồng quản trị ban hành trên cơ sở ý kiến thống nhất của 5/5 thành viên Hội đồng quản trị.

- Tổng kết nội dung các phiên họp trong năm 2024 như sau:

- + Phiên họp ngày 26/01/2024: Đánh giá kết quả SXKD quý IV và năm 2023, giao kế hoạch SXKD quý I và năm 2024.

- + Phiên họp ngày 22/4/2024: Đánh giá kết quả SXKD quý I, giao kế hoạch SXKD quý II năm 2024.

- + Phiên họp ngày 24/6/2024: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

- + Phiên họp ngày 23/7/2024: Đánh giá kết quả SXKD quý II, 6 tháng đầu năm, giao kế hoạch SXKD quý III và 6 tháng cuối năm 2024;

- + Phiên họp ngày 04/11/2024: Đánh giá kết quả SXKD quý III và 9 tháng năm, giao kế hoạch SXKD quý IV năm 2024.

- Các nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị đã ban hành trong năm 2024 gồm 56 văn bản, trong đó:

- + Số lượng Nghị quyết ban hành: 30 Nghị quyết

- + Số lượng quyết định ban hành: 26 Quyết định.

2. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý của Công ty.

- Hội đồng quản trị công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật có liên quan đến công tác quản lý doanh nghiệp và nhiệm vụ SXKD của Công ty.

- Giám sát việc sử dụng, quản lý tài sản, nguồn vốn, việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Chỉ đạo, giám sát việc cơ cấu tổ chức toàn Công ty; việc triển khai thực hiện kiện toàn, tinh giản bộ máy tổ chức, nhân sự từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc.

- Chỉ đạo, giám sát việc đảm bảo chế độ theo quy định Nhà nước; điều kiện môi trường làm việc, thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, các chế độ khác đối với người lao động.

- Chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc công ty chấp hành tốt công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý của Nhà nước.

- Hình thức giám sát: Hội đồng quản trị dự họp với Bộ máy điều hành của Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện SXKD hàng quý. Giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát nội bộ Công ty.

- Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đều đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Tổng giám đốc và bộ máy điều hành Công ty. Qua kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động,

kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, các đơn vị trực thuộc và có những chỉ đạo kịp thời đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024.

3.1 Về thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024: Như đã trình bày ở trên.

3.2 Về lựa chọn đơn vị kiểm toán: Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, địa chỉ tầng 5, tháp B2 tòa nhà Roman Plaza, Đường Tố Hữu, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội là đơn vị thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Sông Đà 4.

3.3 Chi trả thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024.

- Dự toán chi thù lao năm 2024 là 192.000.000đ, tuy nhiên do kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty không đạt kế hoạch Đại hội cổ đông đề ra nên Công ty không chi trả thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025

Trên cơ sở tình hình thực hiện các hợp đồng đã kí kết và kế hoạch công tác tiếp thị đầu thầu năm 2025. Để đảm bảo tính khả thi của kế hoạch SXKD và sự ổn định về sản xuất, từng bước lành mạnh về tài chính, đảm bảo việc làm cho CBCNV, người lao động của công ty, Hội đồng quản trị dự kiến kế hoạch SXKD năm 2025 với các chỉ tiêu và nhiệm vụ trọng tâm như sau:

I. Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính:

Hội đồng quản trị dự kiến kế hoạch SXKD năm 2025 trình Đại hội đồng cổ đông như sau:

1. Tổng giá trị SXKD:	250,0 tỷ đồng. <u>Trong đó</u> :
- Giá trị kinh doanh xây lắp:	209,5 tỷ đồng
- Giá trị sản xuất điện thương phẩm:	40,5 tỷ đồng.
2. Doanh thu:	244,0 tỷ đồng.
3. Lợi nhuận:	
- Lợi nhuận trước thuế:	-26,6 tỷ đồng.
4. Nộp ngân sách:	25 tỷ đồng.
5. Vốn điều lệ:	103,0 tỷ đồng.
6. Vốn chủ sở hữu:	-34,3 tỷ đồng.
7. Tổng tài sản:	394,4 tỷ đồng.
8. Đầu tư:	Không.
9. Dự kiến cổ tức:	Không.

II. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2025:

1. Tập trung tìm kiếm việc làm, tăng cường công tác tiếp thị chào giá để bổ sung giá trị công việc còn thiếu trong kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty.

2. Công tác thu hồi vốn và thu hồi công nợ: Tập trung quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ, quyết toán dứt điểm gói hạ tầng công trình điện gió Lạc Hòa 2 (Sóc Trăng), thủy điện Hồi Xuân (Thanh Hóa), điện gió Thanh Phong (Bến Tre) và công trình thủy điện Xekaman 1 (Lào) với giá trị dở dang và công nợ phải thu gần 130,0 tỷ đồng. Tích cực làm việc với Tổng công ty Sông Đà – CTCP để thu tiền lãi chậm trả hơn 100,0 tỷ đồng.

3. Tiếp tục nỗ lực làm việc với Ngân hàng VCB – Chi nhánh Tây Hà Nội và Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Gia Lai để được cấp hợp đồng hạn mức vay vốn lưu động và bảo lãnh để có khả năng bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, bảo lãnh tiền ứng đối với công trình mới đáp ứng điều kiện Chủ đầu tư giao hợp đồng thi công.

4. Đảm bảo mục tiêu tiến độ, chất lượng thi công tại các công trình, an toàn lao động về con người và máy móc thiết bị trong quá trình thi công. Vận hành an toàn, hiệu quả Nhà máy thủy điện Iagrai 3.

5. Từng bước tiến hành triển khai các thủ tục về chủ trương đầu tư mở rộng Nhà máy thủy điện Iagrai 3.

6. Thực hiện trả tiền lương còn nợ người lao động tại các chi nhánh và cơ quan Công ty trước khi nghỉ Tết Nguyên Đán và nghĩa vụ thuế với Ngân sách Nhà nước.

7. Triển khai công tác tái cấu trúc Công ty theo Nghị quyết của HĐQT Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

8. Ổn định nhân sự đối với bộ máy quản lý từ Công ty đến các Chi nhánh. Tiếp tục công tác cơ cấu sắp xếp lại Nhà máy Iagrai 3 phù hợp với tình hình thực tế, việc làm của Công ty trên nguyên tắc tiết kiệm chi phí.

9. Quản lý chặt chẽ chi phí, tiết giảm chi phí. Hạch toán, tập hợp chi phí đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng.

Kính thưa quý cổ đông trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, báo cáo công tác quản lý, điều hành của HĐQT, công tác SXKD của Công ty và kế hoạch SXKD năm 2025.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Chiến

Hà Nội, ngày 2 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 4

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 4 xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 như sau:

A. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024:

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các công việc theo trách nhiệm và quyền hạn của Ban:

- Tham gia góp ý kiến hoàn thiện các quy chế, quy định nhằm đảm bảo các văn bản quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình phát triển của công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, kịp thời trong công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc thông qua hình thức xem xét việc ban hành và thực thi các nghị quyết, quyết định, quy chế, quy định.
- Tham dự và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT công ty.
- Hàng quý thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng giám đốc công ty và thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của công ty.
- Thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành; báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2024 và các tài liệu khác trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua. Xem xét báo cáo kiểm toán do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY phát hành.
- Kiểm tra, giám sát các thủ tục, trình tự trong tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT, THẨM ĐỊNH NĂM 2024

I. Thẩm định công tác quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã ban hành 30 Nghị quyết và 26 Quyết định về công tác SXKD, điều lệ, quy chế, quy định quản lý nội bộ, công tác đầu tư và công tác cán bộ của Công ty. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã có sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT, bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024, tuân thủ

theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và được triển khai thực hiện một cách nghiêm túc.

3. Hội đồng quản trị đã quan tâm đến việc triển khai thực hiện kiện toàn, tinh giản bộ máy tổ chức và nhân sự từ công ty đến các đơn vị trực thuộc.

4. Ban Kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty.

5. Bên cạnh những kết quả đạt được, trong năm qua công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc còn một số vấn đề cần được khắc phục như:

- Năm 2024 Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn, giá trị sản lượng thực hiện trong năm 2024 chủ yếu là công trình đã ký hợp đồng của năm trước. Công tác tìm kiếm việc làm đối với công trình mới để bổ sung sản lượng năm 2024 theo kế hoạch không đạt được (Trong năm ký hợp đồng làm mới 1 công trình hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị nam sông Ngàn Phố với giá trị hợp đồng 43.4 tỷ đồng). Trong năm vẫn còn một số công trình có giá trị dở dang lớn nhưng còn nhiều vướng mắc nên chưa quyết toán xong như CT Xekaman1, TĐ Hôi Xuân, điện gió Thanh Phong. Do đó giá trị giữ lại rất lớn tiếp tục ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty, giảm rất nhiều hiệu quả kinh doanh của đơn vị.

- Công ty cổ phần Sông Đà 4 đã khó khăn lại càng khó khăn hơn khi nhiều đối tác là Chủ đầu tư công trình Sông Đà 4 đã thi công không thực hiện trả nợ, thanh toán giá trị KLXLHT cho Công ty; các Ngân hàng tiếp tục giảm hạn mức tín dụng. Ngoài ra công ty còn phải chịu chi phí khác như tiền lãi với mức lãi suất cao đối với số dư thuế chưa nộp ngân sách nhà nước và lãi chậm trả theo số tiền nợ Bảo hiểm xã hội. Do đó Công ty thiếu vốn cho hoạt động SXKD, chưa kịp thời thanh toán tiền lương + các chế độ cho người lao động, chưa hoàn thành nghĩa vụ về thuế, bảo hiểm, nợ các nhà cung cấp dẫn đến tình trạng nhiều nhà cung cấp đã khởi kiện công ty.

- Cuối năm 2024 nợ phải trả của công ty là 667,08 tỷ (trong đó nợ vay tín dụng ngân hàng 216,05 tỷ) và vốn chủ sở hữu đã bị âm 7,7 tỷ; dẫn đến mất cân đối dòng tiền nghiêm trọng, gây khó khăn cho công ty về khả năng thanh toán, đặc biệt là tiếp cận các nguồn vốn tín dụng bổ sung cho hoạt động SXKD và công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm mới.

- Mặc dù đơn vị đã tích cực thực hiện các biện pháp nhằm thu hồi vốn và công nợ, số công nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2024 giảm 86.2 tỷ đồng so với số đầu năm, tuy nhiên công nợ phải thu và chi phí SXKD dở dang tại các công trình còn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản của Công ty (74%), đây là tài sản của Công ty nhưng đang do khách hàng nắm giữ nên vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, khả năng thanh toán nợ của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào công tác thu hồi vốn.

II. Giám sát kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty:

Sau khi thẩm định báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 của Công ty, Ban Kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo và đánh giá tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2024	TH năm 2024	% HT
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	191,4	168,1	88%
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	272,4	171,4	63%

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2024	TH năm 2024	% HT
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	1	-42,77	
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	0,96	-42,77	
5	Các khoản nộp NSNN	10 ⁹ đ	39	17,9	46%
6	Thu nhập tiền lương BQ	10 ⁹ đ	8.343	9,981	
7	Vốn chủ sở hữu	10 ⁹ đ	35,03	-7,7	
8	Tổng tài sản		550	659,3	119,8%

Năm 2024, Công ty không hoàn thành các chỉ tiêu ĐHCĐ giao, giá trị sản lượng và doanh thu đạt thấp, kết quả hoạt động SXKD thua lỗ. Dư nợ vay ngắn hạn ngân hàng cao hơn doanh thu dẫn đến việc đơn vị luôn trong tình trạng thiếu dòng tiền phục vụ hoạt động SXKD, thanh toán các khoản công nợ đến hạn, nộp thuế, nộp BHXH và thanh toán lương cho người lao động...

III. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024:

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2024 và đạt một số kết quả như sau:

- Các chỉ tiêu Giá trị SXKD, doanh thu, lợi nhuận không hoàn thành kế hoạch.
- Công ty vẫn chưa thu xếp được nguồn tiền để chi trả cổ tức cho cổ đông. Công ty còn nợ cổ đông tiền cổ tức các năm 2016, 2017, 2018, 2019 (Trong đó cổ tức năm 2016 đã chốt danh sách số tiền 15,45 tỷ đồng, năm 2017, 2018, 2019 chưa chốt danh sách nhận cổ tức số tiền 25,75 tỷ đồng).
- Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.
- Thực hiện chi trả thù lao và tiền lương của người quản lý Công ty theo mức chi mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua theo tỷ lệ hoàn thành kết quả SXKD năm 2023.

IV. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024:

Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính, kết hợp với việc xem xét báo cáo kiểm toán do Công ty Kiểm toán độc lập phát hành, các sổ sách, hồ sơ có liên quan, tính toán và phân tích các chỉ số tài chính để kiểm tra kết quả hoạt động về mặt tài chính của công ty:

TT	Các chỉ số	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2022
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,96	1,0	1,14
2	Vòng quay hàng tồn kho	1,13	1,48	1,07
3	Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản – ROA	-0,06	-0,14	-0,84
4	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn tự có – ROE	6,22	-3,87	-5,81
5	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	-101,56	22,06	5,34

- Hệ số nợ phải trả trên vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu vẫn ở mức rất cao. Vòng quay hàng tồn kho thấp do giá trị dở dang còn lớn. Công tác quyết toán một

số công trình có giá trị dở dang lớn vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Công nợ phải thu gấp 2,21 lần công nợ phải trả khách hàng chứng tỏ đơn vị bị chiếm dụng vốn nhiều ảnh hưởng đến dòng tiền cho hoạt động SXKD, thanh toán nợ phải trả, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, trả lương người lao động.

- Hiệu quả sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu của Công ty rất thấp, kết quả SXKD năm 2024 thua lỗ 41,69 tỷ đồng.

- Báo cáo tài chính năm 2024 của công ty đã được kiểm toán của công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2024, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

V. Kiểm soát sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông:

1. Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã có sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc công ty trong công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của công ty.

2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng, ban chức năng đã cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát; tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều mời Ban kiểm soát tham dự.

3. Về quan hệ với cổ đông: Trong năm 2024, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ văn bản nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông về sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

C. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Từ việc kiểm tra, giám sát, thẩm định trong năm 2024, Ban Kiểm soát có một số kiến nghị sau:

1. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty tập trung và có giải pháp hữu hiệu trong việc thu hồi công nợ. Tập trung làm việc với các Chủ đầu tư có tình hình tài chính tốt để giải quyết các khó khăn trước mắt để duy trì hoạt động SXKD; đối với các Chủ đầu tư chây ì tập hợp hồ sơ công nợ để làm việc với cơ quan pháp luật.

2. Tập trung chỉ đạo và làm việc với Chủ đầu tư, Tổng thầu nhằm giải quyết các tồn tại, vướng mắc để quyết toán dứt điểm một số công trình có giá trị dở dang lớn như CT Xekaman1, CT Hồi Xuân. Tích cực làm việc với TCT Sông Đà để thu tiền lãi chậm trả CT Xekaman1.

3. Khắc phục các ý kiến ngoại trừ của kiểm toán về công nợ phải thu.

3. Cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu của hoạt động SXKD, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và thanh toán dứt điểm tiền lương nợ từ các năm trước cho người lao động.

4. Tích cực làm việc với các ngân hàng để được cấp: hợp đồng hạn mức vay vốn lưu động; bảo lãnh thực hiện hợp đồng; bảo lãnh tiền ứng để có cơ hội tìm kiếm việc làm để bổ sung công việc còn thiếu trong năm 2025 đảm bảo đạt kế hoạch sản lượng 2025.

5. Kiểm tra, giám sát, quản lý chặt chẽ các chi phí; tập hợp chi phí đầy đủ và kịp thời.

D. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát sẽ tiến hành các nội dung công việc sau:

1. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, tính nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính quý, sáu tháng và hằng năm của Công ty và các Chi nhánh trực thuộc; báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty và các Chi nhánh trực thuộc, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp.
5. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
6. Thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 38 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
10. Thẩm định các báo cáo và các tài liệu khác trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của BKS năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 trình Quý cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi (báo cáo)
- HĐQT, TGD, TVBKS.
- Lưu BKS.

T/M BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban



Phạm Văn Trọng

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Văn Chiến	Chủ tịch
Ông Đoàn Hùng Trường	Thành viên
Ông Vũ Hải Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Vương Đắc Hùng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Phạm Văn Trọng	Trưởng Ban
Bà Vũ Thùy Chi	Thành viên
Ông Đỗ Đình Hoàn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tú Mậu	Phó Tổng Giám đốc

Phụ trách kế toán của Công ty là ông Vương Đắc Hùng.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc, *Lee*



Nguyễn Tiến Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Số: 486/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 4

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025, từ trang 07 đến trang 40 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại 31/12/2024, các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng và các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá thời hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi của Công ty lần lượt là 195.130.776.157 đồng và 5.010.767.615 đồng, dự phòng đã trích lập tương ứng là 7.141.187.857 đồng. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản nợ nêu trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" hay không cũng như không thể ước tính ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán số dư nợ phải thu khách hàng, tạm ứng và nợ phải trả tại 31/12/2024 chưa có đối chiếu xác nhận lần lượt là 200.900.947.589 đồng, 6.886.067.538 đồng và 117.099.373.943 đồng. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng đối với tính hiện hữu của khoản mục trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng của nó đến các khoản mục có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Khoản phải thu khác của Tổng Công ty Sông Đà tại ngày 31/12/2024 là 18.489.947.146 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 18.489.947.146 đồng) là khoản tiền lãi do Tổng Công ty Sông Đà trả chậm tiền thi công Công ty trình Thủy điện Xekaman 1 do Công ty Cổ phần Sông Đà 4 làm nhà thầu thi công, Công ty Cổ phần Sông Đà 4 đã ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính tương ứng với số tiền trên trong năm 2022. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ thủ tục kiểm toán nhưng vẫn không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá tính phù hợp của khoản ghi nhận nêu trên. Do đó chúng tôi không thể xác định được các ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến các chỉ tiêu có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 4 tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 31.3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính “Thông tin liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 1”, tại ngày 31/12/2024, Nợ phải thu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 1 hiện ghi nhận trên Báo cáo tài chính của Công ty lần lượt là 42.842.242.504 đồng và 55.938.312.233 đồng. Công trình Thủy điện Xekaman 1 đã hoàn thành và đi vào phát điện cuối năm 2016 nhưng cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính, các hạng mục dở dang nêu trên vẫn đang trong quá trình nghiệm thu, bù giá.

Theo điều khoản thanh toán của Hợp đồng 08/2007/HĐ-SĐ về việc thi công một số hạng mục Công trình Thủy điện Xekaman 1 và các Phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo, Tổng Công ty Sông Đà (bên giao thầu) sẽ thanh toán cho Công ty (bên nhận thầu) ngay sau khi được Chủ đầu tư (Công ty Cổ phần Điện Việt Lào) thanh toán. Phương thức và tỷ lệ thanh toán theo quy định trong Hợp đồng ký giữa Tổng Công ty và Chủ đầu tư và các quy định khác liên quan của Tổng Công ty Sông Đà.

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 18.5 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, cổ tức năm 2016 đã chốt quyền ngày 08/01/2018 hiện được Công ty theo dõi tại khoản mục “Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác” với số tiền là 5,4 tỷ đồng. Công ty đã nhiều lần gia hạn thời gian trả khoản cổ tức này và cho đến thời điểm hiện nay vẫn chưa thanh toán cho các cổ đông. Bên cạnh đó, cổ tức của các năm 2017, năm 2018, năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tổng số tiền 25,75 tỷ đồng cũng chưa được Công ty chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức. Việc chậm trễ thanh toán cổ tức như trên là chưa phù hợp với quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 4, Điều 135 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 31.4 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại thời điểm 31/12/2024, trên bảng Cân đối kế toán của Công ty, chỉ tiêu Nợ ngắn hạn đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 25,78 đồng, đồng thời lỗ lũy kế âm 160,36 tỷ đồng, Vốn chủ sở hữu âm 7,78 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Công ty chậm chi trả Cổ tức nhiều năm, nợ các khoản bảo hiểm với số tiền 31,26 tỷ đồng và nợ các khoản thuế với tổng số tiền 55,42 tỷ đồng chi tiết tại thuyết minh 14, 17 và 18.5. Những dấu hiệu này cho thấy yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn diễn ra bình thường và đang nỗ lực thu hồi công nợ để đảm bảo nguồn chi trả cổ tức cho cổ đông cũng như các khoản công nợ tồn đọng, do đó Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Các vấn đề nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Bùi Đức Nam
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		587.464.799.223	716.371.063.940
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.719.452.422	1.506.863.596
Tiền	111		3.719.452.422	1.506.863.596
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		423.291.314.605	533.665.542.817
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	361.130.573.046	461.905.399.549
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	28.788.047.390	35.711.005.485
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	41.040.541.726	43.716.985.340
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.667.847.557)	(7.667.847.557)
Hàng tồn kho	140	9	130.398.370.981	148.999.573.566
Hàng tồn kho	141		130.398.370.981	148.999.573.566
Tài sản ngắn hạn khác	150		30.055.661.215	32.199.083.961
Thuế GTGT được khấu trừ	152		30.055.661.215	32.199.083.961
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		71.844.026.758	90.646.935.318
Các khoản phải thu dài hạn	210		70.400.000	88.900.000
Phải thu dài hạn khác	216	10	70.400.000	88.900.000
Tài sản cố định	220		62.336.630.196	76.696.724.786
Tài sản cố định hữu hình	221	11	62.336.630.196	76.696.724.786
- Nguyên giá	222		330.951.377.217	369.838.292.452
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(268.614.747.021)	(293.141.567.666)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	6.678.073.821	6.678.073.821
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		10.445.280.000	10.445.280.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.767.206.179)	(3.767.206.179)
Tài sản dài hạn khác	260		2.758.922.741	7.183.236.711
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	2.758.922.741	7.183.236.711
TỔNG TÀI SẢN	270		659.308.825.981	807.017.999.258

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		667.086.673.681	772.022.115.027
Nợ ngắn hạn	310		614.866.997.821	718.797.474.276
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	169.685.519.208	201.378.604.248
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	13.620.222.510	27.167.137.185
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	63.725.624.777	64.579.081.335
Phải trả người lao động	314		17.534.177.772	21.592.773.450
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	63.329.294.280	75.247.572.086
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	68.273.413.043	66.845.839.178
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	216.050.528.227	259.338.248.790
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.648.218.004	2.648.218.004
Nợ dài hạn	330		52.219.675.860	53.224.640.751
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	52.219.675.860	53.224.640.751
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(7.777.847.700)	34.995.884.231
Vốn chủ sở hữu	410	18	(7.777.847.700)	34.995.884.231
Vốn góp của chủ sở hữu	411		103.000.000.000	103.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		103.000.000.000	103.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.312.526.753	1.312.526.753
Quỹ đầu tư phát triển	418		48.268.739.046	48.268.739.046
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(160.359.113.499)	(117.585.381.568)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(117.585.381.568)	17.958.130.161
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(42.773.731.931)	(135.543.511.729)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		659.308.825.981	807.017.999.258

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hải

Phụ trách kế toán

Vương Đức Hùng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	165.911.534.442	306.180.159.949
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		165.911.534.442	306.180.159.949
Giá vốn hàng bán	11	20	158.274.196.484	399.246.794.954
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.637.337.958	(93.066.635.005)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.731.713.090	15.181.204.448
Chi phí tài chính	22	22	27.698.920.537	29.654.393.273
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		23.279.526.492	26.657.959.233
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	19.477.089.291	24.741.143.016
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(37.806.958.780)	(132.280.966.846)
Thu nhập khác	31	23	3.555.238.012	2.221.160.587
Chi phí khác	32	24	8.522.011.163	5.483.705.470
Lợi nhuận khác	40		(4.966.773.151)	(3.262.544.883)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(42.773.731.931)	(135.543.511.729)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(42.773.731.931)	(135.543.511.729)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(4.153)	(13.160)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	(4.153)	(13.160)

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hải

Phụ trách kế toán

Vương Đức Hùng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(42.773.731.931)	(135.543.511.729)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		14.297.086.236	16.678.036.994
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.912.555.267	(7.662.719)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(3.489.620.460)	(2.005.279.874)
Chi phí lãi vay	06		23.279.526.492	26.657.959.233
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.774.184.396)	(94.220.458.095)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		112.536.150.958	124.115.596.173
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		18.601.202.585	138.669.536.859
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(65.544.033.308)	(103.536.239.724)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.424.313.970	(4.895.236.711)
Tiền lãi vay đã trả	14		(16.439.229.809)	(15.701.276.611)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(26.464.000)	(1.670.607.580)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(10.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		46.777.756.000	42.751.314.311
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.549.526.095	2.021.465.447
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.102.719	1.299.287
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.552.628.814	2.022.764.734
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		75.864.016.410	116.010.563.747
Tiền trả nợ gốc vay	34		(123.981.812.398)	(159.752.433.902)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(48.117.795.988)	(43.741.870.155)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.212.588.826	1.032.208.890
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	1.506.863.596	474.654.706
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	3.719.452.422	1.506.863.596

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hải



Vương Đức Hùng



Nguyễn Tiến Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty TNHH Nhà nước 1 thành viên Sông Đà 4 thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 1329/QĐ-BXD ngày 26/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000162 (số này đã điều chỉnh hình thành mã số doanh nghiệp là 5900189325) ngày 15/11/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp), lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 19/12/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 119 người (tại ngày 31/12/2023 là 361 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Xây dựng công trình và sản xuất điện năng.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng các công trình thủy điện);
- Xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông, đường bộ, công trình công nghiệp, dân dụng;
- Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 110KV;
- Đầu tư xây dựng khu công nghiệp và đô thị;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Chi tiết: Sản xuất vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, đường ống cấp thoát nước);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, đường ống cấp thoát nước);
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (chỉ có hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thiết bị cơ khí, cơ giới và công nghệ xây dựng).

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng với hoạt động sản xuất điện năng và trên 12 tháng đối với hoạt động xây dựng công trình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY**

Công ty có 7 đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4.05 (Chi nhánh đang tạm ngừng hoạt động từ ngày 01/12/2024);
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4.06 (Chi nhánh đang tạm ngừng hoạt động từ ngày 01/12/2024);
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Thành phố Hà Nội) (Chi nhánh đang tạm ngừng hoạt động);
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4.08 (Chi nhánh đang tạm ngừng hoạt động từ ngày 01/12/2024);
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4.09 (Chi nhánh đang tạm ngừng hoạt động từ ngày 01/12/2024);
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4.10 (Chi nhánh đang tạm ngừng hoạt động từ ngày 01/12/2024);
- Nhà máy Thủy điện Iagrai 3.

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

3.4 ĐẦU TƯ GÓP VỐN DÀI HẠN VÀO CÔNG TY KHÁC

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. C tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.4 ĐẦU TƯ GÓP VỐN DÀI HẠN VÀO CÔNG TY KHÁC (TIẾP)**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và các chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến giá thành sản phẩm của các công trình xây lắp.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, riêng giá xuất của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình xây lắp được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	09 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty.

- Chi phí sửa chữa trạm nghiên; chi phí coppha; công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra

3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí vật tư, ca máy phục vụ xây dựng công trình, chi phí lãi vay và các khoản chi phí trích trước khác là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

Đối với các khoản chi phí vật tư, ca máy phục vụ xây dựng công trình:

Việc ghi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn của các công trình tuân thủ các nguyên tắc:

Công ty chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn cho các công trình/hạng mục đã hoàn thành và được xác định là đã bán trong kỳ. Chi phí trích trước vào giá vốn là các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng. Số chi phí trích trước được tạm tính đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của công trình/hạng mục được xác định đã bán.

3.11 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty đã đánh giá lại số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được UBCK chấp thuận.

3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện, doanh thu hợp đồng xây dựng và doanh thu khác

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá áp dụng theo biểu giá chi phí tránh do Cục Điều tiết Điện lực Việt Nam ban hành hàng năm.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)***Doanh thu từ hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

3.16 GIÁ VỐN

Bao gồm giá vốn của hợp đồng xây dựng được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã được ghi nhận trong kỳ, theo nguyên tắc:

Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy;

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh;

Khi loại bỏ được các yếu tố không chắc chắn liên quan đến việc ước tính một cách đáng tin cậy kết quả thực hiện hợp đồng thì doanh thu và chi phí có liên quan tới hợp đồng xây dựng sẽ được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, giá vốn được xác định bằng “Dở dang đầu kì + Phát sinh trong kì – Dở dang cuối kì”. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được Công ty xác định trên cơ sở giá trị sản lượng dở dang không cao hơn giá trị dở dang cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi tiền vay, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.19 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.20 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Sản xuất điện.
- Lĩnh vực xây lắp và dịch vụ: Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ.

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	22.941.221	42.107.120
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.696.511.201	1.464.756.476
Cộng	3.719.452.422	1.506.863.596

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dài hạn	2.758.922.741	7.183.236.711
- Coppha các loại	1.163.754.679	3.749.907.321
- Các khoản khác	1.595.168.062	3.433.329.390
Cộng	2.758.922.741	7.183.236.711

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	10.445.280.000	(3.767.206.179)	(*)	10.445.280.000	(3.767.206.179)	(*)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	10.445.280.000	(3.767.206.179)	(*)	10.445.280.000	(3.767.206.179)	(*)
Cộng	10.445.280.000	(3.767.206.179)	(*)	10.445.280.000	(3.767.206.179)	(*)

(*) Tại ngày 31/12/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4

Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Mẫu số B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	361.130.573.046	(7.141.187.857)	461.905.399.549	(7.141.187.857)
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>62.007.022.899</i>	-	<i>61.813.119.901</i>	-
- Tổng công ty Sông Đà - CTCP	13.758.448.546	-	13.842.604.360	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	-	745.357.750	-
- BHH Dự án Thủy điện Yaly mở rộng	3.523.416.562	-	-	-
- BHH Dự án Thủy điện Lai Châu	1.882.915.287	-	1.882.915.287	-
- BHH Dự án Thủy điện Xékaman 1 (*)	42.842.242.504	-	45.342.242.504	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>299.123.550.147</i>	<i>(7.141.187.857)</i>	<i>400.092.279.648</i>	<i>(7.141.187.857)</i>
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất Xây dựng Đồng Mé Kông	72.472.194.480	-	75.432.194.480	-
- Công ty TNHH Hà Thành	61.507.500.420	-	61.507.500.420	-
- Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	108.126.869	-	7.370.126.869	-
- Công ty TNHH Điện gió Lạc Hòa 2	28.751.885.802	-	34.415.302.263	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 705	50.531.796.252	-	50.531.796.252	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông á	12.697.808.492	-	53.269.794.793	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đức Long - Gia Lai	27.562.985.000	(3.823.554.600)	29.412.985.000	(3.823.554.600)
- Công ty Cổ phần Thủy điện Pắc Ma	1.761.195.365	-	2.761.195.365	-
- Công ty Cổ phần Điện lực Tây Bắc	-	-	19.051.191.656	-
- Các khách hàng khác	43.730.057.467	(3.317.633.257)	66.340.192.550	(3.317.633.257)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	361.130.573.046	(7.141.187.857)	461.905.399.549	(7.141.187.857)

(*) Chi tiết tại Thuyết minh số 31.3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại số 8 Hà Nội	28.788.047.390	-	35.711.005.485	-
	10.540.757.259	-	12.817.209.306	-
- Công ty TNHH An Dân	5.260.388.650	-	5.260.388.650	-
- Công ty TNHH Xây dựng Đông Thuận An	4.540.000.000	-	4.540.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	8.446.901.481	-	13.093.407.529	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	28.788.047.390	-	35.711.005.485	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	6.973.194.595	-	9.997.156.719	-
- Công cụ, dụng cụ	154.808.922	-	257.148.539	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	123.270.367.464	-	138.745.268.308	-
+ Công trình thủy điện Xekaman 1 (*)	55.938.312.233	-	55.938.312.233	-
+ Công trình điện gió Thanh Phong	28.074.285.190	-	27.908.672.002	-
+ Công trình thủy điện Hồi Xuân	17.624.853.782	-	17.693.238.212	-
+ Các công trình khác	21.632.916.259	-	37.205.045.861	-
Cộng	130.398.370.981	-	148.999.573.566	-

(*) Chi tiết tại Thuyết minh số 31.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4

Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Mẫu số B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	41.040.541.726	(526.659.700)	43.716.985.340	(526.659.700)
<i>Phải thu khác các bên liên quan</i>	18.489.947.146	-	18.489.947.146	-
+ Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (lãi vay Xekaman 1)	18.489.947.146	-	18.489.947.146	-
<i>Phải thu khác</i>	22.550.594.580	(526.659.700)	25.227.038.194	(526.659.700)
- Tạm ứng	14.699.544.113	-	17.255.109.233	-
- Ký cược, ký quỹ	18.500.000	-	-	-
- Phải thu khác	7.832.550.467	(526.659.700)	7.971.928.961	(526.659.700)
+ Nông trường Bình Giáo	526.659.700	(526.659.700)	526.659.700	(526.659.700)
+ Phải thu người lao động	979.782.733	-	991.910.994	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vinacomin	5.010.767.615	-	5.010.767.615	-
+ Các khoản phải thu khác	1.315.340.419	-	1.442.590.652	-
b) Dài hạn	70.400.000	-	88.900.000	-
- Ký cược, ký quỹ	70.400.000	-	88.900.000	-
+ Ký quỹ, ký cược khác	70.400.000	-	88.900.000	-
Cộng	41.110.941.726	(526.659.700)	43.805.885.340	(526.659.700)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
	01/01/2024	178.524.681.447	132.044.208.725	58.873.559.098	395.843.182
	- Thanh lý, nhượng bán	-	(34.703.824.835)	(30.900.000)	(38.886.915.235)
31/12/2024	178.524.681.447	97.340.383.890	54.721.368.698	364.943.182	330.951.377.217
HAO MÒN LŨY KẾ					
	01/01/2024	(117.685.728.830)	(119.132.048.723)	(382.926.513)	(293.141.567.666)
	- Khấu hao trong năm	(7.353.199.692)	(5.338.741.954)	(10.333.332)	(14.297.086.236)
- Thanh lý, nhượng bán	-	34.640.816.481	4.152.190.400	30.900.000	38.823.906.881
31/12/2024	(125.038.928.522)	(89.829.974.196)	(53.383.484.458)	(362.359.845)	(268.614.747.021)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
	01/01/2024	60.838.952.617	12.912.160.002	12.916.669	76.696.724.786
	31/12/2024	53.485.752.925	7.510.409.694	1.337.884.240	62.336.630.196

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 13.389.281.849 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 18.897.248.146 đồng).
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 95.773.380.315 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 79.355.848.911 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4

Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Sông Đà 2	169.685.519.208	169.685.519.208	201.378.604.248	201.378.604.248
- Công ty Cổ phần Sông Đà 3	33.085.849.967	33.085.849.967	33.938.112.828	33.938.112.828
- Công ty Cổ phần Sông Đà 6	26.488.570.748	26.488.570.748	26.688.570.748	26.688.570.748
- Công ty Cổ phần Sông Đà 9	2.609.580.273	2.609.580.273	2.609.580.273	2.609.580.273
- Công ty Cổ phần Sông Đà 10	132.080.288	132.080.288	292.406.788	292.406.788
- Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1	1.418.058.135	1.418.058.135	1.418.058.135	1.418.058.135
- Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1	90.514.667	90.514.667	90.514.667	90.514.667
- Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1	649.195.475	649.195.475	649.195.475	649.195.475
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	771.875.000	771.875.000	1.021.875.000	1.021.875.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư ván Sông Đà	925.975.381	925.975.381	1.167.911.742	1.167.911.742
Phải trả các nhà cung cấp khác	136.599.669.241	136.599.669.241	167.440.491.420	167.440.491.420
- Công ty TNHH MTV Bảo Giáp	2.800.000.000	2.800.000.000	4.997.560.084	4.997.560.084
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trường Phát DST	7.033.825.617	7.033.825.617	7.828.194.411	7.828.194.411
- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Miền Trung	6.810.723.680	6.810.723.680	6.970.265.520	6.970.265.520
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Sản xuất và Thương mại Hoàng Nhân	-	-	7.409.946.770	7.409.946.770
- Công ty Cổ phần Tập đoàn IPC	6.674.952.996	6.674.952.996	6.674.952.996	6.674.952.996
- Công ty Cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội	9.710.953.002	9.710.953.002	9.710.953.002	9.710.953.002
- Các đối tượng khác	103.569.213.946	103.569.213.946	123.848.618.637	123.848.618.637
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	169.685.519.208	169.685.519.208	201.378.604.248	201.378.604.248

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4

Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MẪU SỐ B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	13.620.222.510	13.620.222.510	27.167.137.185	27.167.137.185
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	313.682.077	313.682.077	1.760.161.461	1.760.161.461
- BĐH dự án thủy điện Huội Quảng	313.682.077	313.682.077	313.682.077	313.682.077
- BĐH Dự án Nhà máy thủy điện Yaly mở rộng	-	-	1.446.479.384	1.446.479.384
Người mua trả tiền trước khác	13.306.540.433	13.306.540.433	25.406.975.724	25.406.975.724
- Công ty Cổ phần Long Việt	12.178.796.018	12.178.796.018	18.238.593.660	18.238.593.660
- UBND Huyện Kim Thành	-	-	5.277.546.250	5.277.546.250
- Các đối tượng khác	1.127.744.415	1.127.744.415	1.890.835.814	1.890.835.814
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	13.620.222.510	13.620.222.510	27.167.137.185	27.167.137.185

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp (*)	45.568.803.354	3.643.509.131	11.012.555.149	38.199.757.336
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.078.431.572	-	26.464.000	1.051.967.572
- Thuế thu nhập cá nhân	903.043.720	433.242.810	331.562.541	1.004.723.989
- Thuế tài nguyên	1.818.024.484	4.742.873.692	4.099.687.517	2.461.210.659
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	424.432.800	173.299.791	597.732.591	-
- Thuế bảo vệ môi trường	115.481.683	-	-	115.481.683
- Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.670.863.722	8.101.027.082	1.879.407.266	20.892.483.538
Cộng	64.579.081.335	17.101.952.506	17.955.409.064	63.725.624.777

(*) Các chi nhánh 4.05, 4.08, 4.09 là các Chi nhánh khai thuế Giá trị gia tăng (GTGT) riêng, đã bị phong tỏa hóa đơn do còn nợ thuế. Đặc biệt, Chi nhánh 4.09 không chỉ bị phong tỏa hóa đơn mà còn bị phong tỏa tài khoản. Do đó, doanh thu nội bộ mà các Chi nhánh này thực hiện cho Công ty năm 2019, 2020 và 2021 với tổng giá trị 471,5 tỷ đồng vẫn chưa được phát hành hóa đơn. Theo đó các Chi nhánh này chưa hạch toán thuế GTGT phải nộp tương ứng là 47,15 tỷ đồng. Trong trường hợp các Chi nhánh ghi nhận thuế GTGT đầu ra này, văn phòng Công ty tại Hà Nội sẽ ghi nhận thuế GTGT đầu vào được khấu trừ với số tiền tương ứng. Đến thời điểm 31/12/2024, tổng số nợ thuế quá hạn và các khoản phạt thuế do quá hạn theo thông báo của cơ quan thuế là hơn 55,42 tỷ đồng.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế và số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4

Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

MÃ SỐ B09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Vay ngắn hạn

Vay ngắn hạn

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Gia Lai (1)
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội (2)
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Đô Thành (3)
- Công ty CP Năng lượng Ecowin (4)
- Ông Phan Anh Dũng (5)
- Bà Nguyễn Thị Thương Linh (6)
- Công ty Cổ phần Long Việt
- Bà Ngô Thị Thu Mỹ (7)
- Bà Đinh Thị Hải Vượng (8)
- Bà Trần Thị Hiền

Nợ dài hạn đến hạn trả

- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội (2)
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (9)
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - chi nhánh Chiến Thắng

Vay dài hạn

- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (9)

Cộng

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Gia Lai (1)	216.050.528.227	216.050.528.227	77.377.492.971	120.665.213.534	259.338.248.790	259.338.248.790
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội (2)	208.014.100.974	208.014.100.974	73.501.912.355	119.821.433.565	254.333.622.184	254.333.622.184
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Đô Thành (3)	172.043.288.630	172.043.288.630	-	18.774.214.375	190.817.503.005	190.817.503.005
- Công ty CP Năng lượng Ecowin (4)	21.364.662.706	21.364.662.706	40.238.711.449	44.858.328.461	25.984.279.718	25.984.279.718
- Ông Phan Anh Dũng (5)	4.852.374.638	4.852.374.638	13.622.374.638	31.554.839.461	22.784.839.461	22.784.839.461
- Bà Nguyễn Thị Thương Linh (6)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty Cổ phần Long Việt	200.000.000	200.000.000	-	720.000.000	920.000.000	920.000.000
- Bà Ngô Thị Thu Mỹ (7)	3.480.000.000	3.480.000.000	-	500.000.000	3.980.000.000	3.980.000.000
- Bà Đinh Thị Hải Vượng (8)	-	-	406.551.268	3.206.551.268	2.800.000.000	2.800.000.000
- Bà Trần Thị Hiền	3.586.775.000	3.586.775.000	3.348.775.000	4.809.000.000	5.047.000.000	5.047.000.000
	487.000.000	487.000.000	1.710.500.000	1.223.500.000	-	-
	-	-	14.175.000.000	14.175.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	8.036.427.253	8.036.427.253	3.875.580.616	843.779.969	5.004.626.606	5.004.626.606
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội (2)	-	-	-	555.000.000	555.000.000	555.000.000
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (9)	8.036.427.253	8.036.427.253	3.875.580.616	179.832.051	4.340.678.688	4.340.678.688
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - chi nhánh Chiến Thắng	-	-	-	108.947.918	108.947.918	108.947.918
Vay dài hạn						
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (9)	52.219.675.860	52.219.675.860	3.940.421.254	4.945.386.145	53.224.640.751	53.224.640.751
	52.219.675.860	52.219.675.860	3.940.421.254	4.945.386.145	53.224.640.751	53.224.640.751
Cộng	268.270.204.087	268.270.204.087	81.317.914.225	125.610.599.679	312.562.889.541	312.562.889.541

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)***Thuyết minh bổ sung cho các khoản vay:*

- 1) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2023/369553/HĐTD ngày 26/05/2023 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai. Hạn mức cấp tín dụng là 341.292.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng là 6 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết đến ngày 31/01/2024. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất quy định cụ thể trong các hợp đồng, thỏa thuận ký kết. Biện pháp bảo đảm theo các hợp đồng bảo đảm được giao kết giữa Công ty CP Sông Đà 4 và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai.
- 2) Hợp đồng hạn mức số 01/24/QLN/CTD/VCBTHN ngày 03/01/2024 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội và Công ty Cổ phần Sông Đà 4. Hạn mức cấp tín dụng là 25.985.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết hoặc đến hết ngày 26/01/2025. Mục đích cấp tín dụng được quy định cụ thể trong các hợp đồng, thỏa thuận. Lãi suất quy định cụ thể trong các hợp đồng, thỏa thuận ký kết. Biện pháp bảo đảm theo các hợp đồng bảo đảm ký kết giữa Công ty CP Sông Đà 4 và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội.
- 3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT322-SD4 ngày 6/8/2024 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành và Công ty Cổ phần Sông Đà 4. Hạn mức cấp tín dụng là 21.285.000.000 đồng bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT322-SD4 ngày 30/6/2022. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết. Mục đích vay để phục vụ hoạt động thi công xây lắp của Công ty Cổ phần Sông Đà 4. Lãi suất quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Biện pháp bảo đảm theo các hợp đồng bảo đảm được giao kết giữa Công ty Cổ phần Sông Đà 4 và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành.
- 4) Khoản vay với Công ty Cổ phần Năng lượng Ecowin theo hợp đồng cho vay ngắn hạn ngày 08/07/2021, số tiền vay 2.000.000.000 đồng, mục đích để thi công xây dựng Dự án "Nhà máy điện gió Thanh Phong", và được đảm bảo trả nợ bởi Công ty Power China Chengdu Engineering Corporation Limited.
- 5) Hợp đồng vay ngắn hạn số 02/2021/HĐV/SD4-PAD ngày 21/07/2021 và Phụ lục 01 ngày 10/04/2022 về việc gia hạn thực hiện hợp đồng số 02/2021/HĐV/SD4-PAD. Số tiền vay 1.020.000.000 đồng. Thời gian vay 6 tháng. Lãi suất vay 9%/năm. Khoản vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm.
- 6) Hợp đồng vay ngắn hạn số 01.1/2021/HĐC/CN-SD4 ngày 21/04/2021 và Phụ lục 02 ngày 10/06/2022 về việc gia hạn thực hiện hợp đồng số 01.1/2021/HĐC/CN-SD4. Số tiền vay 3.980.000.000 đồng. Thời gian vay 3 tháng. Lãi suất vay 9%/năm. Hợp đồng vay không quy định Tài sản bảo đảm.
- 7) Khoản vay theo các hợp đồng sau:
 - + Hợp đồng cho vay ngắn hạn số 01/2024/HĐV/CN-SD4 ngày 05/02/2024. Số tiền vay 2.011.775.000 đồng. Thời gian vay 12 tháng. Lãi suất vay 9%/năm, mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động. Hợp đồng vay không có tài sản đảm bảo.
 - + Hợp đồng cho vay ngắn hạn số 05/2024/HĐV/CN-SD4 ngày 02/7/2024. Số tiền vay 1.337.000.000 đồng. Thời gian vay 12 tháng. Lãi suất vay 9%/năm, mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động. Hợp đồng vay không có tài sản đảm bảo.
- 8) Hợp đồng vay ngắn hạn số 02/2024/HĐV/CN-SD4 ngày 05/04/2024. Số tiền vay 1.177.500.000 đồng. Thời gian vay 12 tháng. Lãi suất vay 9%/năm. Hợp đồng vay không quy định Tài sản bảo đảm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)*Thuyết minh bổ sung cho các khoản vay (Tiếp):*

- 9) Vay lại vốn vay ADB của Tổng Công ty Sông Đà theo hợp đồng vay số 03/2011/HĐTC-ADB/TĐSD-SD4 ngày 30/11/2011 với thời hạn vay là 25 năm; mục đích vay vốn từ khoản vay ADB nguồn vốn OCR để trả một phần nợ gốc khoản vay dài hạn dự án thủy điện Iagrai 3 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai; lãi suất: LIBOR + chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo (hiện đang là 0,2%/năm); lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; phí cho vay lại trả cho Tổng Công ty Sông Đà: 1%/năm trên số dư nợ gốc của khoản vay OCR; các loại phí khác do ADB thu (nếu có): theo thông báo của ADB; phí cam kết: 0,15%/năm tính trên số dư chưa rút vốn tại từng thời điểm theo quy định tại Mục 2.03, Điều 2 Hiệp định vay OCR; lãi, phí cam kết và các loại phí khác (nếu có) theo quy định của ADB được gốc hóa trong thời gian rút vốn của dự án trong quá trình thực hiện bên cho vay sẽ thông báo đến bên vay. Tài sản đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	63.329.294.280	75.247.572.086
- Chi phí vật tư, ca máy công trình	33.843.936.107	48.018.370.516
+ Công trình Trà Khúc 1	4.938.256.274	5.206.370.980
+ Công trình Điện gió Lạc Hòa 2	7.264.327.352	10.145.368.218
+ Công trình Đầu tư Viện thực phẩm chức năng	17.518.451.056	17.518.451.056
+ Công trình Thủy điện Hồi Xuân	1.299.232.514	1.299.232.514
+ Công trình đường giao thông Hải Dương	-	3.230.636.509
+ Công trình đường đưa F1	467.300.000	467.300.000
+ Công trình Thủy điện Sông Mã 3	2.356.368.911	10.151.011.239
- Chi phí lãi vay phải trả	29.346.469.285	27.161.019.752
- Các khoản trích trước khác	138.888.888	68.181.818
b) Dài hạn	-	-
Cộng	63.329.294.280	75.247.572.086

17. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	68.273.413.043	66.845.839.178
Phải trả khác là bên liên quan	7.074.478.290	2.419.631.140
- Lãi vay phải trả Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	7.074.478.290	2.419.631.140
Phải trả, phải nộp khác	61.198.934.753	64.426.208.038
- Kinh phí công đoàn	2.508.090.139	2.429.928.551
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	31.263.022.847	29.234.132.635
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.407.500.000	5.407.500.000
- Lương cán bộ nhân viên	7.235.645.542	9.466.579.242
- Phải trả, phải nộp khác	14.784.676.225	17.888.067.610
Cộng	68.273.413.043	66.845.839.178

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4

Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

Mẫu số B09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	103.000.000.000	1.312.526.753	48.268.739.046	17.958.130.161	170.539.395.960
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	(135.543.511.729)	(135.543.511.729)
31/12/2023	103.000.000.000	1.312.526.753	48.268.739.046	(117.585.381.568)	34.995.884.231
01/01/2024	103.000.000.000	1.312.526.753	48.268.739.046	(117.585.381.568)	34.995.884.231
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	(42.773.731.931)	(42.773.731.931)
31/12/2024	103.000.000.000	1.312.526.753	48.268.739.046	(160.359.113.499)	(7.777.847.700)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**18.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	66.950.000.000	66.950.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	36.050.000.000	36.050.000.000
Cộng	103.000.000.000	103.000.000.000

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	103.000.000.000	103.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	103.000.000.000	103.000.000.000
- Cổ tức đã chia	-	-

18.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.300.000	10.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.300.000	10.300.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.300.000</i>	<i>10.300.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.300.000	10.300.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.300.000</i>	<i>10.300.000</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

18.5 CỔ TỨC

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, diễn ra vào ngày 28/04/2017, đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2016 bằng tiền với tỷ lệ 15% vốn điều lệ, tương ứng 15.450.000.000 đồng. Trên cơ sở đó, vào ngày 26/12/2017, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 71/QĐ.HĐQT về việc chi trả cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 15%, trong đó ngày chốt danh sách cổ đông là 08/01/2018 và thời gian thực hiện dự kiến vào ngày 20/02/2018. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã chi trả 10.042.500.000 đồng, còn lại 5.407.500.000 đồng chưa được thanh toán. Công ty đã nhiều lần gửi thông báo đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để gia hạn và điều chỉnh thời gian chi trả cổ tức năm 2016, lần gần đây nhất vào ngày 25/06/2024, theo đó thời gian chi trả được điều chỉnh sang ngày 30/06/2025.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 26/04/2018 và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 23/01/2019 và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 28/05/2020 cũng đã lần lượt thông qua phương án trả cổ tức năm 2017, năm 2018 bằng tiền với tỷ lệ 10% mỗi năm (tương ứng 10.300.000.000 đồng/năm) và năm 2019 là 5% (tương ứng 5.150.000.000 đồng). Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức năm 2017, năm 2018 và năm 2019. Việc chậm trễ thanh toán cổ tức như trên là chưa phù hợp với quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 4, Điều 135 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê,
quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Doanh thu	165.911.534.442	306.180.159.949
- Doanh thu hoạt động xây lắp	128.774.311.361	265.425.910.044
- Doanh thu bán điện	37.137.223.081	40.754.249.905
Cộng	165.911.534.442	306.180.159.949

b) Doanh thu với các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 36.3***20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn hoạt động xây lắp	142.660.990.620	382.732.458.589
- Giá vốn hoạt động bán điện	15.613.205.864	16.514.336.365
Cộng	158.274.196.484	399.246.794.954

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.102.719	1.299.287
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.728.610.371	172.242.442
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	7.662.719
- Lãi bán hàng trả chậm	-	15.000.000.000
Cộng	1.731.713.090	15.181.204.448

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	23.279.526.492	26.657.959.233
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại trong năm	2.506.838.778	1.981.028.719
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	1.912.555.267	-
- Chi phí tài chính khác	-	1.015.405.321
Cộng	27.698.920.537	29.654.393.273

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê,
quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***23. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Thanh lý TSCĐ, phế liệu, CCDC	3.278.547.749	2.003.980.587
- Các khoản khác	276.690.263	217.180.000
Cộng	3.555.238.012	2.221.160.587

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Các khoản bị truy thu, phạt chậm nộp	8.469.292.091	5.275.685.355
- Các khoản chi phí khác	52.719.072	208.020.115
Cộng	8.522.011.163	5.483.705.470

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	13.309.321.288	17.200.058.319
- Chi phí vật liệu quản lý	608.031.090	118.923.597
- Chi phí đồ dùng văn phòng	16.687.323	-
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	861.838.981	992.795.335
- Thuế, phí và lệ phí	564.408.565	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.711.930.534	1.128.560.469
- Chi phí bằng tiền khác	2.404.871.510	5.300.805.296
Cộng	19.477.089.291	24.741.143.016

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	49.813.613.007	140.181.417.898
- Chi phí nhân công	24.597.986.788	46.506.457.999
- Khấu hao tài sản cố định	14.089.116.244	16.678.036.994
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.924.964.087	83.811.018.715
- Chi phí bằng tiền khác	10.850.704.805	12.124.374.376
Cộng	162.276.384.931	299.301.305.982

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê,
quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(42.773.731.931)	(135.543.511.729)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	34.676.213.226	85.588.920.558
- Các khoản phạt, truy thu thuế	8.469.292.091	5.124.396.643
- Chi phí lãi vay bị loại theo ND 132/2020/ND-CP	23.276.423.773	-
- Chi phí không hợp lý khác	2.930.497.362	80.464.523.915
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(8.097.518.705)	(49.954.591.171)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

28. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(42.773.731.931)	(135.543.511.729)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	10.300.000	10.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(4.153)	(13.160)

29. LỖ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lỗ suy giảm trên cổ phiếu bằng với lỗ cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: Dịch vụ xây lắp và sản xuất điện năng.

Chi tiêu	Dịch vụ xây lắp		Sản xuất điện năng		Tổng cộng	
	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
KẾT QUẢ KINH DOANH						
Doanh thu bộ phận	128.774.311.361	109.401.403.005	37.137.223.081	40.754.249.905	165.911.534.442	150.155.652.910
Chi phí bộ phận	162.138.079.911	142.305.691.144	15.613.205.864	20.199.295.717	177.751.285.775	162.504.986.861
Lãi, lỗ từ hoạt động kinh doanh	(33.363.768.550)	(32.904.288.139)	21.524.017.217	20.554.954.188	(11.839.751.333)	(12.349.333.951)
Chi phí lãi vay thuần	(18.742.641.644)	(14.574.322.512)	(4.533.782.129)	(3.829.878.154)	(23.276.423.773)	(18.404.200.666)
Lãi, lỗ hoạt động tài chính khác	(2.690.783.674)	14.887.967.229	-	-	(2.690.783.674)	14.887.967.229
Lãi, lỗ hoạt động tài chính	(21.433.425.318)	313.644.717	(4.533.782.129)	(3.829.878.154)	(25.967.207.447)	(3.516.233.437)
Thu nhập khác	3.555.238.012	1.564.815.818	-	-	3.555.238.012	1.564.815.818
Chi phí khác	8.160.842.691	1.524.087.964	361.168.472	412.051.676	8.522.011.163	1.936.139.640
Lãi, lỗ từ hoạt động kinh doanh khác	(4.605.604.679)	40.727.854	(361.168.472)	(412.051.676)	(4.966.773.151)	(371.323.822)
Lợi nhuận trước thuế	(59.402.798.547)	(32.549.915.568)	16.629.066.616	16.313.024.358	(42.773.731.931)	(135.543.511.729)
Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(59.402.798.547)	(32.549.915.568)	16.629.066.616	16.313.024.358	(42.773.731.931)	(135.543.511.729)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn	582.777.756.172	711.466.332.991	4.687.043.051	4.904.730.949	587.464.799.223	716.371.063.940
Tài sản dài hạn	23.088.664.290	35.223.711.558	48.755.362.468	55.423.223.760	71.844.026.758	90.646.935.318
Tổng tài sản	605.866.420.462	746.690.044.549	53.442.405.519	60.327.954.709	659.308.825.981	807.017.999.258
NỢ PHẢI TRẢ						
Nợ ngắn hạn	610.773.497.200	713.468.733.627	2.464.713.340	5.328.740.649	613.238.210.540	718.797.474.276
Nợ dài hạn	16.162.060.835	14.538.451.049	37.686.402.306	38.686.189.702	53.848.463.141	53.224.640.751
Tổng nợ phải trả	626.935.558.035	728.007.184.676	40.151.115.646	44.014.930.351	667.086.673.681	772.022.115.027
Khấu hao	10.961.610.466	15.896.182.995	3.335.475.770	781.853.999	14.297.086.236	16.678.036.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC**31.1 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

31.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Tên đơn vị	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xekaman 1	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Ban điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Ban điều hành Dự án Thủy Điện Lai Châu	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Công ty liên kết

Thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý khác

Tên	Chức vụ	Nội dung	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Đặng Văn Chiến	Chủ tịch HĐQT	Lương	413.016.435	416.217.905
Ông Hồ Sỹ Hùng	Thành viên HĐQT	Thù lao	-	24.750.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	Lương	412.119.229	415.634.503
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Thành viên HĐQT	Lương	-	47.565.217
Ông Phạm Tú Mậu	Phó Tổng Giám đốc	Lương	296.210.264	298.274.476
Ông Vương Đắc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Lương	296.210.264	298.005.038
Ông Đoàn Hùng Trường	Thành viên HĐQT	Thù lao	-	60.000.000
Ông Vũ Hải Phong	Thành viên HĐQT	Lương	258.740.802	261.501.844
Ông Lê Tấn Trường	Phó Tổng Giám đốc	Lương	-	298.274.476
Ông Trần Đức Minh	Kế toán trưởng	Lương	66.651.515	285.903.080
Ông Phạm Văn Trọng	Trưởng Ban kiểm soát	Lương	238.482.991	239.638.112
Bà Phạm Thị Cao Thanh	Ban kiểm soát	Thù lao	-	14.850.000
Bà Vũ Thùy Chi	Ban kiểm soát	Thù lao	-	36.000.000
Ông Đỗ Đình Toàn	Ban kiểm soát	Lương	169.598.943	230.665.614
Cộng			2.151.030.443	2.927.280.265

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**31.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Bán hàng	14.025.479.016	2.641.285.378
- Công ty CP Sông Đà 5	-	2.555.743.354
- Ban điều hành Dự án Thủy điện Xekaman 1	-	85.542.024
- BDH dự án thủy điện Yaly mở rộng	14.025.479.016	-
Mua hàng	1.746.072.276	3.172.126.913
- Tổng công ty Sông Đà- CTCP	50.156.036	1.221.732.687
- Công ty CP Sông Đà 5	-	-
- Công ty CP Sông Đà 6	416.732.738	497.391.954
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	937.500.000	1.021.875.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	341.683.502	431.127.272
Chi phí lãi vay	4.654.847.150	3.952.655.749
- Tổng Công ty Sông Đà	4.654.847.150	3.952.655.749

31.3 THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN XEKAMAN 1

Như trình bày tại điểm (*) của Thuyết minh số 7 và Thuyết minh số 9, tại ngày 31/12/2024, Nợ phải thu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 1 hiện ghi nhận trên Báo cáo tài chính của Công ty lần lượt là 42.842.242.504 đồng và 55.938.312.233 đồng. Công trình Thủy điện Xekaman 1 đã hoàn thành và đi vào phát điện cuối năm 2016 nhưng cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính, các hạng mục dở dang nêu trên vẫn đang trong quá trình nghiệm thu, bù giá.

Theo điều khoản thanh toán của Hợp đồng 08/2007/HĐ-SĐ về việc thi công một số hạng mục Công trình Thủy điện Xekaman 1 và các Phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo, Tổng Công ty Sông Đà (bên giao thầu) sẽ thanh toán cho Công ty (bên nhận thầu) ngay sau khi được Chủ đầu tư (Công ty Cổ phần Điện Việt Lào) thanh toán. Phương thức và tỷ lệ thanh toán theo quy định trong Hợp đồng ký giữa Tổng Công ty và Chủ đầu tư và các quy định khác liên quan của Tổng Công ty Sông Đà.

31.4 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại thời điểm 31/12/2024, trên bảng Cân đối kế toán của Công ty, chỉ tiêu Nợ ngắn hạn đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 25,78 tỷ đồng, đồng thời lỗ lũy kế âm 160,36 tỷ đồng, Vốn chủ sở hữu âm 7,78 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Công ty chậm chi trả Cổ tức nhiều năm, nợ các khoản bảo hiểm với số tiền 31,26 tỷ đồng và nợ các khoản thuế với tổng số tiền 55,42 tỷ đồng chi tiết tại thuyết minh 14, 17 và 18.5. Những dấu hiệu này cho thấy yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn diễn ra bình thường và đang nỗ lực thu hồi công nợ để đảm bảo nguồn chi trả cổ tức cho cổ đông cũng như các khoản công nợ tồn đọng, do đó Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4

Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê,
quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Sông Đà 4 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Văn Hải

Phụ trách kế toán



Vương Đức Hùng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng



Số: 07/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 4

*Đánh giá thực hiện nhiệm vụ SXKD, hoạt động của HĐQT trong năm 2024,
kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty cổ phần Sông Đà 4*

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 4

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về tình hình thực hiện SXKD năm 2024, hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2024, phương hướng nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty cổ phần Sông Đà 4, như sau:

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD
VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT CÔNG TY NĂM 2024**

I. Khái quát chung về Công ty:

1. Công ty cổ phần Sông Đà 4 là Công ty cổ phần hoạt động theo luật Doanh nghiệp Việt Nam, có trụ sở tại : Tầng 3, tòa nhà TM, KĐT Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, TP Hà Nội. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày 15/11/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 19/12/2024 với mã số doanh nghiệp 5900189325, do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

2. Vốn điều lệ (VĐL) của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 là 103 tỷ đồng, trong đó vốn góp của Tổng công ty Sông Đà là 66,95 tỷ đồng (chiếm 65 % VĐL), vốn của các cổ đông khác là 36,05 tỷ đồng (chiếm 35% VĐL).

3. Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã số SD4.

4. Tổ chức Công ty gồm:

4.1 Hội đồng quản trị: 05 thành viên

- | | |
|------------------------|-------------------|
| - Ông Đặng Văn Chiến | - Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Tiến Dũng | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Vương Đắc Hùng | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Đoàn Hùng Trường | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Vũ Hải Phong | - Thành viên HĐQT |

4.2 Ban kiểm soát: 03 thành viên

- | | |
|----------------------|-------------------------|
| - Ông Phạm Văn Trọng | - Trưởng Ban kiểm soát. |
| - Bà Vũ Thùy Chi | - Thành viên. |
| - Ông Đỗ Đình Thoàn | - Thành viên. |

4.3 Ban Tổng giám đốc điều hành và bộ phận giúp việc gồm: Ban kiểm soát nội bộ và 06 phòng chức năng (Phòng Tài chính Kế toán; Phòng Kinh tế Chiến lược; Phòng Tổ chức Nhân sự; Phòng Kỹ thuật; Phòng Đầu thầu; Phòng Thiết bị công nghệ).

4.4 Đơn vị trực thuộc gồm: Các CN405, CN406, CN407, CN408, CN409, CN410 tạm dừng thi công, 01 Ban chỉ huy và 01 Nhà máy thủy điện Iagrai3 kinh doanh sản xuất điện.

II. Báo cáo tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2024:

Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn, giá trị sản lượng thực hiện trong năm 2024 là công trình đã ký hợp đồng của năm trước. Công tác tìm kiếm việc làm đối với công trình mới để bổ sung sản lượng không đạt được. Công ty duy trì lực lượng cán bộ kỹ thuật hiện có để thực hiện nhiệm vụ trọng tâm cho công tác quyết toán các công trình hoàn thành thi công từ năm trước và công trình hoàn thành thi công trong năm 2024, số tiền giữ lại công nợ rất lớn tiếp tục ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty, giảm hiệu quả kinh doanh của đơn vị.

Tình hình tài chính của đơn vị rất khó khăn, công tác thu hồi nợ đạt kết quả thấp, Ngân hàng thắt chặt tín dụng, công tác ký hợp đồng hạn mức tín dụng mới còn nhiều vướng mắc do công ty chưa đáp ứng đủ kiện cấp tín dụng theo quy định của Ngân hàng cho vay. Mặt khác do chưa có hợp đồng thi công mới nên công tác cho vay giải ngân của Ngân hàng cũng không thực hiện được, đây là nguyên nhân chính ảnh hưởng đến việc luân chuyển dòng tiền của công ty. Công ty chậm thanh toán tiền lương cũng như chế độ đối với người lao động, chậm thực hiện nghĩa vụ thuế với Ngân sách Nhà nước, thiếu vật tư thi công dẫn đến công trình chậm tiến độ.

Do vậy, công tác điều hành và triển khai thi công tại các công trình gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng trực tiếp từ công tác thu hồi vốn từ các Chủ đầu tư đặc biệt là đối với công trình đã hoàn thành. Ban lãnh đạo công ty đã động viên cán bộ công nhân, người lao động các Chi nhánh chia sẻ khó khăn với công ty và chung sức, đồng hành để vượt qua giai đoạn khó khăn này.

Ban lãnh đạo Công ty và tập thể người lao động trên các công trường đã hết sức nỗ lực, cố gắng vượt khó, vượt khổ nhằm duy trì sản xuất kinh doanh. Đồng thời tập trung mọi nguồn lực để hoàn thiện hồ sơ để nghiệm thu thanh quyết toán các công trình đã hoàn thành thi công, tuy nhiên các chỉ tiêu chính đạt được trong năm 2024 đạt thấp cụ thể như sau:

1. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024:

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính như sau:

- + Tổng giá trị SXKD: Thực hiện 168,0 tỷ đồng/KH 191,4 tỷ đồng, đạt 88% KH năm.
- + Doanh thu: Thực hiện 171,4 tỷ đồng/KH 272,4 tỷ đồng, đạt 63% KH năm.
- + Lợi nhuận:
 - Lợi nhuận trước thuế : TH -42,7 tỷ đồng/KH 1,0 tỷ đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế : TH -42,7 tỷ đồng/KH 0,96 tỷ đồng.
- + Nộp ngân sách: TH 17,9 tỷ đồng/KH năm 39,0 tỷ đồng, đạt 46 % KH năm.
- + Vốn chủ sở hữu: TH -7,7 tỷ đồng/KH 35,03 tỷ đồng.
- + Tổng tài sản: TH 659,3 tỷ đồng /KH 555,0 tỷ đồng, đạt 118% KH năm.

- + Giá trị đầu tư: Không.
- + Tỷ lệ chia cổ tức: Không.

2. Đánh giá công tác quản lý của Công ty:

2.1 Công tác chỉ đạo điều hành thi công tại các công trình:

Năm 2024, do tình hình tài chính gặp rất nhiều khó khăn nên việc huy động nhân lực và chuẩn bị vật tư thi công chậm trễ đã ảnh hưởng đến công tác điều hành sản xuất tại các công trường. Cụ thể :

- Công trình thủy điện Ialy mở rộng: Hoàn thành các hạng mục theo tiến độ thi công với Tổng thầu.
- Công trình Trà Khúc 1: Hoàn thành thi công các hạng mục theo tiến độ thi công trong hợp đồng với Tổng thầu.
- Công trình hạ tầng kỹ thuật KĐT Nam Sông Ngân phố: Hoàn thành hạng mục công trình và bàn giao cho Chủ đầu tư đưa vào sử dụng.
- Công trình dừng thi công do Chủ đầu tư chưa thu xếp bổ sung được nguồn vốn cho dự án để thi công tiếp, công nợ, dở dang tồn đọng chưa giải quyết được như công trình Hồi Xuân.

Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực chỉ đạo điều hành đảm bảo tiến độ thi công một số công trình mà Công ty đảm nhận thi công và vận hành an toàn tuyệt đối Nhà máy thủy điện Iagrai 3.

- Hội đồng quản trị thay mặt cổ đông quản lý Công ty. Hội đồng quản trị ban hành các quy chế, quy định phân cấp, phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Đảm bảo sự điều hành không chồng chéo, các quy định ban hành phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật Nhà nước.

- Các Quy chế quản lý nội bộ Công ty được bổ sung, sửa đổi kịp thời để cho phù hợp với quy định của Pháp luật và yêu cầu thực tế công tác quản lý SXKD.

2.2 Công tác cơ cấu, tái cấu trúc doanh nghiệp:

- Hội đồng quản trị công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Báo cáo phương án sắp xếp lại Chi nhánh Công ty CP Sông Đà 4 - Nhà máy thủy điện Iagrai 3 trình Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

- Chỉ đạo chia tách phòng Kỹ thuật và Dự án – Đấu thầu, thành lập Phòng Quản lý kỹ thuật và Phòng Dự án đấu thầu tập trung tăng cường cho công tác tìm kiếm việc làm;

2.3 Công tác tiếp thị đấu thầu:

- Trong năm 2024, Công ty tập trung toàn bộ nhân lực cán bộ kỹ thuật phục vụ cho công tác quyết toán các công trình để thu hồi vốn.

- Do Công ty chưa cải thiện được tình hình tài chính nên việc tiếp cận tìm kiếm, dự thầu công trình mới gặp khó khăn. Tuy nhiên Công ty đã tiếp cận nhận thầu được 01 Hợp đồng hạng mục thi công San nền, giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, cấp điện chiếu sáng khu dân cư tập chung tại khu đô thị Nam Sông Ngân phố, thị trấn Tây Sơn, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, giá trị 43,5 tỷ đồng;

2.4 Công tác đào tạo, tuyển dụng lao động:

- Năm 2024 Công ty đã cân đối tuyển dụng bù đắp công nhân lao động thiếu hụt cho các công trường, đã đáp ứng nhu cầu SXKD. Tuy nhiên do khó khăn về tài chính công ty không tiến hành mở các lớp đào tạo theo kế hoạch.

2.5 Công tác kinh tế, tài chính kế toán, tín dụng.

- Công tác kinh tế:

+ Hoàn thành quyết toán các công trình Mông Ân, Mường Mít, gói móng Tua bin và quyết toán giai đoạn 1 gói hạ tầng dự án điện gió Lạc Hòa 2.

+ Hoàn thành gia hạn giấy phép hoạt động điện lực Nhà máy thủy điện Iagrai3.

+ Bám sát các chủ đầu tư để giải ngân kịp thời tiền KLXLHT tại các công trình Italy mở rộng, Trà Khúc 1, dự án KĐT nam sông Ngân phố.

+ Cung ứng kịp thời vật tư thi công công trình thủy điện Yaly mở rộng, công trình thủy điện Trà Khúc 1, dự án KĐT Nam sông Ngân phố.

- Công tác tài chính kế toán, tín dụng:

+ Kí kết Hợp đồng hạn mức vay vốn lưu động và Bảo lãnh năm 2024-2025 với Ngân hàng VCB, thực hiện trả nợ và vay vốn lưu động phục vụ thi công công trình.

+ Lập báo cáo tài chính định kì hàng quý, kiểm toán soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính năm.

+ Công bố thông tin về tình hình SXKD định kì của công ty theo quy định.

2.6 Công tác đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công:

Do công tác thu xếp vốn gặp khó khăn và tình hình thực tế thiết bị thi công, Công ty không triển khai công tác đầu tư máy móc thiết bị thi công.

III. Báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2024:

1. Hoạt động của HĐQT trong năm 2024:

- Thay mặt cổ đông, Hội đồng quản trị công ty quản lý Công ty hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. HĐQT quản lý Công ty bằng biện pháp ban hành các Quy chế quản lý nội bộ và Nghị quyết. Hàng quý hoặc đột xuất HĐQT họp với bộ máy điều hành để kiểm điểm việc thực hiện các Nghị quyết đã ban hành.

- HĐQT lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bộ máy điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong SXKD; thực hiện công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của Luật chứng khoán. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tôn trọng và đảm bảo quyền của cổ đông, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của Doanh nghiệp và các thành phần có liên quan khác.

- HĐQT phối hợp và hỗ trợ Tổng giám đốc giải quyết những vướng mắc với các đối tác trong công tác thanh toán thu hồi công nợ, công tác kinh tế, đấu thầu và tìm kiếm việc làm. Thường xuyên thảo luận giữa Chủ tịch HĐQT với Tổng giám đốc để đạt được sự thống nhất cao trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, đa số tán thành. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành. Trong năm 2024, Hội đồng quản trị

đã tổ chức 05 phiên họp định kỳ và bất thường để xem xét quyết định các vấn đề quản lý của Công ty theo thẩm quyền Hội đồng quản trị.

- Các cuộc họp HĐQT đều có đủ số thành viên theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

- Các Nghị quyết và quyết định Hội đồng quản trị ban hành trên cơ sở ý kiến thống nhất của 5/5 thành viên Hội đồng quản trị.

- Tổng kết nội dung các phiên họp trong năm 2024 như sau:

- + Phiên họp ngày 26/01/2024: Đánh giá kết quả SXKD quý IV và năm 2023, giao kế hoạch SXKD quý I và năm 2024.

- + Phiên họp ngày 22/4/2024: Đánh giá kết quả SXKD quý I, giao kế hoạch SXKD quý II năm 2024.

- + Phiên họp ngày 24/6/2024: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

- + Phiên họp ngày 23/7/2024: Đánh giá kết quả SXKD quý II, 6 tháng đầu năm, giao kế hoạch SXKD quý III và 6 tháng cuối năm 2024;

- + Phiên họp ngày 04/11/2024: Đánh giá kết quả SXKD quý III và 9 tháng năm, giao kế hoạch SXKD quý IV năm 2024.

- Các nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị đã ban hành trong năm 2024 gồm 56 văn bản, trong đó:

- + Số lượng Nghị quyết ban hành: 30 Nghị quyết

- + Số lượng quyết định ban hành: 26 Quyết định.

2. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý của Công ty.

- Hội đồng quản trị công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật có liên quan đến công tác quản lý doanh nghiệp và nhiệm vụ SXKD của Công ty.

- Giám sát việc sử dụng, quản lý tài sản, nguồn vốn, việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Chỉ đạo, giám sát việc cơ cấu tổ chức toàn Công ty; việc triển khai thực hiện kiện toàn, tinh giản bộ máy tổ chức, nhân sự từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc.

- Chỉ đạo, giám sát việc đảm bảo chế độ theo quy định Nhà nước; điều kiện môi trường làm việc, thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, các chế độ khác đối với người lao động.

- Chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc công ty chấp hành tốt công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý của Nhà nước.

- Hình thức giám sát: Hội đồng quản trị dự họp với Bộ máy điều hành của Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện SXKD hàng quý. Giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát nội bộ Công ty.

- Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đều đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Tổng giám đốc và bộ máy điều hành Công ty. Qua kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động,

kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, các đơn vị trực thuộc và có những chỉ đạo kịp thời đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024.

3.1 Về thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024: Như đã trình bày ở trên.

3.2 Về lựa chọn đơn vị kiểm toán: Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, địa chỉ tầng 5, tháp B2 tòa nhà Roman Plaza, Đường Tố Hữu, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội là đơn vị thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Sông Đà 4.

3.3 Chi trả thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024.

- Dự toán chi thù lao năm 2024 là 192.000.000đ, tuy nhiên do kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty không đạt kế hoạch Đại hội cổ đông đề ra nên Công ty không chi trả thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025

Trên cơ sở tình hình thực hiện các hợp đồng đã kí kết và kế hoạch công tác tiếp thị đầu thầu năm 2025. Để đảm bảo tính khả thi của kế hoạch SXKD và sự ổn định về sản xuất, từng bước lành mạnh về tài chính, đảm bảo việc làm cho CBCNV, người lao động của công ty, Hội đồng quản trị dự kiến kế hoạch SXKD năm 2025 với các chỉ tiêu và nhiệm vụ trọng tâm như sau:

I. Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính:

Hội đồng quản trị dự kiến kế hoạch SXKD năm 2025 trình Đại hội đồng cổ đông như sau:

1. Tổng giá trị SXKD:	250,0 tỷ đồng. <u>Trong đó</u> :
- Giá trị kinh doanh xây lắp:	209,5 tỷ đồng
- Giá trị sản xuất điện thương phẩm:	40,5 tỷ đồng.
2. Doanh thu:	244,0 tỷ đồng.
3. Lợi nhuận:	
- Lợi nhuận trước thuế:	-26,6 tỷ đồng.
4. Nộp ngân sách:	25 tỷ đồng.
5. Vốn điều lệ:	103,0 tỷ đồng.
6. Vốn chủ sở hữu:	-34,3 tỷ đồng.
7. Tổng tài sản:	394,4 tỷ đồng.
8. Đầu tư:	Không.
9. Dự kiến cổ tức:	Không.

II. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2025:

1. Tập trung tìm kiếm việc làm, tăng cường công tác tiếp thị chào giá để bổ sung giá trị công việc còn thiếu trong kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty.

2. Công tác thu hồi vốn và thu hồi công nợ: Tập trung quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ, quyết toán dứt điểm gói hạ tầng công trình điện gió Lạc Hòa 2 (Sóc Trăng), thủy điện Hồi Xuân (Thanh Hóa), điện gió Thanh Phong (Bến Tre) và công trình thủy điện Xekaman 1 (Lào) với giá trị dở dang và công nợ phải thu gần 130,0 tỷ đồng. Tích cực làm việc với Tổng công ty Sông Đà – CTCP để thu tiền lãi chậm trả hơn 100,0 tỷ đồng.

3. Tiếp tục nỗ lực làm việc với Ngân hàng VCB – Chi nhánh Tây Hà Nội và Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Gia Lai để được cấp hợp đồng hạn mức vay vốn lưu động và bảo lãnh để có khả năng bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, bảo lãnh tiền ứng đối với công trình mới đáp ứng điều kiện Chủ đầu tư giao hợp đồng thi công.

4. Đảm bảo mục tiêu tiến độ, chất lượng thi công tại các công trình, an toàn lao động về con người và máy móc thiết bị trong quá trình thi công. Vận hành an toàn, hiệu quả Nhà máy thủy điện Iagrai 3.

5. Từng bước tiến hành triển khai các thủ tục về chủ trương đầu tư mở rộng Nhà máy thủy điện Iagrai 3.

6. Thực hiện trả tiền lương còn nợ người lao động tại các chi nhánh và cơ quan Công ty trước khi nghỉ Tết Nguyên Đán và nghĩa vụ thuế với Ngân sách Nhà nước.

7. Triển khai công tác tái cấu trúc Công ty theo Nghị quyết của HĐQT Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

8. Ổn định nhân sự đối với bộ máy quản lý từ Công ty đến các Chi nhánh. Tiếp tục công tác cơ cấu sắp xếp lại Nhà máy Iagrai 3 phù hợp với tình hình thực tế, việc làm của Công ty trên nguyên tắc tiết kiệm chi phí.

9. Quản lý chặt chẽ chi phí, tiết giảm chi phí. Hạch toán, tập hợp chi phí đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng.

Kính thưa quý cổ đông trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, báo cáo công tác quản lý, điều hành của HĐQT, công tác SXKD của Công ty và kế hoạch SXKD năm 2025.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Chiến

Hà Nội, ngày 2 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 4

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 4 xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 như sau:

A. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024:

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các công việc theo trách nhiệm và quyền hạn của Ban:

- Tham gia góp ý kiến hoàn thiện các quy chế, quy định nhằm đảm bảo các văn bản quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình phát triển của công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, kịp thời trong công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc thông qua hình thức xem xét việc ban hành và thực thi các nghị quyết, quyết định, quy chế, quy định.
- Tham dự và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT công ty.
- Hàng quý thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng giám đốc công ty và thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của công ty.
- Thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành; báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2024 và các tài liệu khác trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua. Xem xét báo cáo kiểm toán do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY phát hành.
- Kiểm tra, giám sát các thủ tục, trình tự trong tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT, THẨM ĐỊNH NĂM 2024

I. Thẩm định công tác quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã ban hành 30 Nghị quyết và 26 Quyết định về công tác SXKD, điều lệ, quy chế, quy định quản lý nội bộ, công tác đầu tư và công tác cán bộ của Công ty. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã có sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT, bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024, tuân thủ

theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và được triển khai thực hiện một cách nghiêm túc.

3. Hội đồng quản trị đã quan tâm đến việc triển khai thực hiện kiện toàn, tinh giản bộ máy tổ chức và nhân sự từ công ty đến các đơn vị trực thuộc.

4. Ban Kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty.

5. Bên cạnh những kết quả đạt được, trong năm qua công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc còn một số vấn đề cần được khắc phục như:

- Năm 2024 Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn, giá trị sản lượng thực hiện trong năm 2024 chủ yếu là công trình đã ký hợp đồng của năm trước. Công tác tìm kiếm việc làm đối với công trình mới để bổ sung sản lượng năm 2024 theo kế hoạch không đạt được (Trong năm ký hợp đồng làm mới 1 công trình hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị nam sông Ngàn Phố với giá trị hợp đồng 43.4 tỷ đồng). Trong năm vẫn còn một số công trình có giá trị dở dang lớn nhưng còn nhiều vướng mắc nên chưa quyết toán xong như CT Xekaman1, TĐ Hôi Xuân, điện gió Thanh Phong. Do đó giá trị giữ lại rất lớn tiếp tục ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty, giảm rất nhiều hiệu quả kinh doanh của đơn vị.

- Công ty cổ phần Sông Đà 4 đã khó khăn lại càng khó khăn hơn khi nhiều đối tác là Chủ đầu tư công trình Sông Đà 4 đã thi công không thực hiện trả nợ, thanh toán giá trị KLXLHT cho Công ty; các Ngân hàng tiếp tục giảm hạn mức tín dụng. Ngoài ra công ty còn phải chịu chi phí khác như tiền lãi với mức lãi suất cao đối với số dư thuế chưa nộp ngân sách nhà nước và lãi chậm trả theo số tiền nợ Bảo hiểm xã hội. Do đó Công ty thiếu vốn cho hoạt động SXKD, chưa kịp thời thanh toán tiền lương + các chế độ cho người lao động, chưa hoàn thành nghĩa vụ về thuế, bảo hiểm, nợ các nhà cung cấp dẫn đến tình trạng nhiều nhà cung cấp đã khởi kiện công ty.

- Cuối năm 2024 nợ phải trả của công ty là 667,08 tỷ (trong đó nợ vay tín dụng ngân hàng 216,05 tỷ) và vốn chủ sở hữu đã bị âm 7,7 tỷ; dẫn đến mất cân đối dòng tiền nghiêm trọng, gây khó khăn cho công ty về khả năng thanh toán, đặc biệt là tiếp cận các nguồn vốn tín dụng bổ sung cho hoạt động SXKD và công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm mới.

- Mặc dù đơn vị đã tích cực thực hiện các biện pháp nhằm thu hồi vốn và công nợ, số công nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2024 giảm 86.2 tỷ đồng so với số đầu năm, tuy nhiên công nợ phải thu và chi phí SXKD dở dang tại các công trình còn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản của Công ty (74%), đây là tài sản của Công ty nhưng đang do khách hàng nắm giữ nên vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, khả năng thanh toán nợ của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào công tác thu hồi vốn.

II. Giám sát kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty:

Sau khi thẩm định báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 của Công ty, Ban Kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo và đánh giá tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2024	TH năm 2024	% HT
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	191,4	168,1	88%
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	272,4	171,4	63%

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2024	TH năm 2024	% HT
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	1	-42,77	
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	0,96	-42,77	
5	Các khoản nộp NSNN	10 ⁹ đ	39	17,9	46%
6	Thu nhập tiền lương BQ	10 ⁹ đ	8.343	9,981	
7	Vốn chủ sở hữu	10 ⁹ đ	35,03	-7,7	
8	Tổng tài sản		550	659,3	119,8%

Năm 2024, Công ty không hoàn thành các chỉ tiêu ĐHCĐ giao, giá trị sản lượng và doanh thu đạt thấp, kết quả hoạt động SXKD thua lỗ. Dư nợ vay ngắn hạn ngân hàng cao hơn doanh thu dẫn đến việc đơn vị luôn trong tình trạng thiếu dòng tiền phục vụ hoạt động SXKD, thanh toán các khoản công nợ đến hạn, nộp thuế, nộp BHXH và thanh toán lương cho người lao động...

III. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024:

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2024 và đạt một số kết quả như sau:

- Các chỉ tiêu Giá trị SXKD, doanh thu, lợi nhuận không hoàn thành kế hoạch.
- Công ty vẫn chưa thu xếp được nguồn tiền để chi trả cổ tức cho cổ đông. Công ty còn nợ cổ đông tiền cổ tức các năm 2016, 2017, 2018, 2019 (Trong đó cổ tức năm 2016 đã chốt danh sách số tiền 15,45 tỷ đồng, năm 2017, 2018, 2019 chưa chốt danh sách nhận cổ tức số tiền 25,75 tỷ đồng).
- Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.
- Thực hiện chi trả thù lao và tiền lương của người quản lý Công ty theo mức chi mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua theo tỷ lệ hoàn thành kết quả SXKD năm 2023.

IV. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024:

Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính, kết hợp với việc xem xét báo cáo kiểm toán do Công ty Kiểm toán độc lập phát hành, các sổ sách, hồ sơ có liên quan, tính toán và phân tích các chỉ số tài chính để kiểm tra kết quả hoạt động về mặt tài chính của công ty:

TT	Các chỉ số	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2022
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,96	1,0	1,14
2	Vòng quay hàng tồn kho	1,13	1,48	1,07
3	Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản – ROA	-0,06	-0,14	-0,84
4	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn tự có – ROE	6,22	-3,87	-5,81
5	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	-101,56	22,06	5,34

- Hệ số nợ phải trả trên vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu vẫn ở mức rất cao. Vòng quay hàng tồn kho thấp do giá trị dở dang còn lớn. Công tác quyết toán một

số công trình có giá trị dở dang lớn vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Công nợ phải thu gấp 2,21 lần công nợ phải trả khách hàng chứng tỏ đơn vị bị chiếm dụng vốn nhiều ảnh hưởng đến dòng tiền cho hoạt động SXKD, thanh toán nợ phải trả, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, trả lương người lao động.

- Hiệu quả sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu của Công ty rất thấp, kết quả SXKD năm 2024 thua lỗ 41,69 tỷ đồng.

- Báo cáo tài chính năm 2024 của công ty đã được kiểm toán của công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2024, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

V. Kiểm soát sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông:

1. Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã có sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc công ty trong công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của công ty.

2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng, ban chức năng đã cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát; tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều mời Ban kiểm soát tham dự.

3. Về quan hệ với cổ đông: Trong năm 2024, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ văn bản nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông về sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

C. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Từ việc kiểm tra, giám sát, thẩm định trong năm 2024, Ban Kiểm soát có một số kiến nghị sau:

1. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty tập trung và có giải pháp hữu hiệu trong việc thu hồi công nợ. Tập trung làm việc với các Chủ đầu tư có tình hình tài chính tốt để giải quyết các khó khăn trước mắt để duy trì hoạt động SXKD; đối với các Chủ đầu tư chây ì tập hợp hồ sơ công nợ để làm việc với cơ quan pháp luật.

2. Tập trung chỉ đạo và làm việc với Chủ đầu tư, Tổng thầu nhằm giải quyết các tồn tại, vướng mắc để quyết toán dứt điểm một số công trình có giá trị dở dang lớn như CT Xekaman1, CT Hồi Xuân. Tích cực làm việc với TCT Sông Đà để thu tiền lãi chậm trả CT Xekaman1.

3. Khắc phục các ý kiến ngoại trừ của kiểm toán về công nợ phải thu.

3. Cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu của hoạt động SXKD, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và thanh toán dứt điểm tiền lương nợ từ các năm trước cho người lao động.

4. Tích cực làm việc với các ngân hàng để được cấp: hợp đồng hạn mức vay vốn lưu động; bảo lãnh thực hiện hợp đồng; bảo lãnh tiền ứng để có cơ hội tìm kiếm việc làm để bổ sung công việc còn thiếu trong năm 2025 đảm bảo đạt kế hoạch sản lượng 2025.

5. Kiểm tra, giám sát, quản lý chặt chẽ các chi phí; tập hợp chi phí đầy đủ và kịp thời.

D. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát sẽ tiến hành các nội dung công việc sau:

1. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, tính nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính quý, sáu tháng và hằng năm của Công ty và các Chi nhánh trực thuộc; báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty và các Chi nhánh trực thuộc, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp.
5. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
6. Thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 38 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
10. Thẩm định các báo cáo và các tài liệu khác trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của BKS năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 trình Quý cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi (báo cáo)
- HĐQT, TGD, TVBKS.
- Lưu BKS.

T/M BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban



Phạm Văn Trọng

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Văn Chiến	Chủ tịch
Ông Đoàn Hùng Trường	Thành viên
Ông Vũ Hải Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Vương Đắc Hùng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Phạm Văn Trọng	Trưởng Ban
Bà Vũ Thùy Chi	Thành viên
Ông Đỗ Đình Thoàn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tú Mậu	Phó Tổng Giám đốc

Phụ trách kế toán của Công ty là ông Vương Đắc Hùng.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc, *Lee*



Nguyễn Tiến Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Số: 486/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 4

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025, từ trang 07 đến trang 40 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại 31/12/2024, các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng và các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá thời hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi của Công ty lần lượt là 195.130.776.157 đồng và 5.010.767.615 đồng, dự phòng đã trích lập tương ứng là 7.141.187.857 đồng. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản nợ nêu trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" hay không cũng như không thể ước tính ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán số dư nợ phải thu khách hàng, tạm ứng và nợ phải trả tại 31/12/2024 chưa có đối chiếu xác nhận lần lượt là 200.900.947.589 đồng, 6.886.067.538 đồng và 117.099.373.943 đồng. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng đối với tính hiện hữu của khoản mục trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng của nó đến các khoản mục có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Khoản phải thu khác của Tổng Công ty Sông Đà tại ngày 31/12/2024 là 18.489.947.146 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 18.489.947.146 đồng) là khoản tiền lãi do Tổng Công ty Sông Đà trả chậm tiền thi công Công ty trình Thủy điện Xekaman 1 do Công ty Cổ phần Sông Đà 4 làm nhà thầu thi công, Công ty Cổ phần Sông Đà 4 đã ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính tương ứng với số tiền trên trong năm 2022. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ thủ tục kiểm toán nhưng vẫn không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá tính phù hợp của khoản ghi nhận nêu trên. Do đó chúng tôi không thể xác định được các ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến các chỉ tiêu có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 4 tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 31.3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính “Thông tin liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 1”, tại ngày 31/12/2024, Nợ phải thu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 1 hiện ghi nhận trên Báo cáo tài chính của Công ty lần lượt là 42.842.242.504 đồng và 55.938.312.233 đồng. Công trình Thủy điện Xekaman 1 đã hoàn thành và đi vào phát điện cuối năm 2016 nhưng cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính, các hạng mục dở dang nêu trên vẫn đang trong quá trình nghiệm thu, bù giá.

Theo điều khoản thanh toán của Hợp đồng 08/2007/HĐ-SĐ về việc thi công một số hạng mục Công trình Thủy điện Xekaman 1 và các Phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo, Tổng Công ty Sông Đà (bên giao thầu) sẽ thanh toán cho Công ty (bên nhận thầu) ngay sau khi được Chủ đầu tư (Công ty Cổ phần Điện Việt Lào) thanh toán. Phương thức và tỷ lệ thanh toán theo quy định trong Hợp đồng ký giữa Tổng Công ty và Chủ đầu tư và các quy định khác liên quan của Tổng Công ty Sông Đà.

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 18.5 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, cổ tức năm 2016 đã chốt quyền ngày 08/01/2018 hiện được Công ty theo dõi tại khoản mục “Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác” với số tiền là 5,4 tỷ đồng. Công ty đã nhiều lần gia hạn thời gian trả khoản cổ tức này và cho đến thời điểm hiện nay vẫn chưa thanh toán cho các cổ đông. Bên cạnh đó, cổ tức của các năm 2017, năm 2018, năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tổng số tiền 25,75 tỷ đồng cũng chưa được Công ty chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức. Việc chậm trễ thanh toán cổ tức như trên là chưa phù hợp với quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 4, Điều 135 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 31.4 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại thời điểm 31/12/2024, trên bảng Cân đối kế toán của Công ty, chỉ tiêu Nợ ngắn hạn đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 25,78 đồng, đồng thời lỗ lũy kế âm 160,36 tỷ đồng, Vốn chủ sở hữu âm 7,78 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Công ty chậm chi trả Cổ tức nhiều năm, nợ các khoản bảo hiểm với số tiền 31,26 tỷ đồng và nợ các khoản thuế với tổng số tiền 55,42 tỷ đồng chi tiết tại thuyết minh 14, 17 và 18.5. Những dấu hiệu này cho thấy yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn diễn ra bình thường và đang nỗ lực thu hồi công nợ để đảm bảo nguồn chi trả cổ tức cho cổ đông cũng như các khoản công nợ tồn đọng, do đó Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Các vấn đề nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Bùi Đức Nam
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		587.464.799.223	716.371.063.940
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.719.452.422	1.506.863.596
Tiền	111		3.719.452.422	1.506.863.596
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		423.291.314.605	533.665.542.817
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	361.130.573.046	461.905.399.549
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	28.788.047.390	35.711.005.485
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	41.040.541.726	43.716.985.340
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.667.847.557)	(7.667.847.557)
Hàng tồn kho	140	9	130.398.370.981	148.999.573.566
Hàng tồn kho	141		130.398.370.981	148.999.573.566
Tài sản ngắn hạn khác	150		30.055.661.215	32.199.083.961
Thuế GTGT được khấu trừ	152		30.055.661.215	32.199.083.961
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		71.844.026.758	90.646.935.318
Các khoản phải thu dài hạn	210		70.400.000	88.900.000
Phải thu dài hạn khác	216	10	70.400.000	88.900.000
Tài sản cố định	220		62.336.630.196	76.696.724.786
Tài sản cố định hữu hình	221	11	62.336.630.196	76.696.724.786
- Nguyên giá	222		330.951.377.217	369.838.292.452
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(268.614.747.021)	(293.141.567.666)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	6.678.073.821	6.678.073.821
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		10.445.280.000	10.445.280.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.767.206.179)	(3.767.206.179)
Tài sản dài hạn khác	260		2.758.922.741	7.183.236.711
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	2.758.922.741	7.183.236.711
TỔNG TÀI SẢN	270		659.308.825.981	807.017.999.258

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		667.086.673.681	772.022.115.027
Nợ ngắn hạn	310		614.866.997.821	718.797.474.276
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	169.685.519.208	201.378.604.248
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	13.620.222.510	27.167.137.185
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	63.725.624.777	64.579.081.335
Phải trả người lao động	314		17.534.177.772	21.592.773.450
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	63.329.294.280	75.247.572.086
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	68.273.413.043	66.845.839.178
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	216.050.528.227	259.338.248.790
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.648.218.004	2.648.218.004
Nợ dài hạn	330		52.219.675.860	53.224.640.751
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	52.219.675.860	53.224.640.751
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(7.777.847.700)	34.995.884.231
Vốn chủ sở hữu	410	18	(7.777.847.700)	34.995.884.231
Vốn góp của chủ sở hữu	411		103.000.000.000	103.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		103.000.000.000	103.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.312.526.753	1.312.526.753
Quỹ đầu tư phát triển	418		48.268.739.046	48.268.739.046
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(160.359.113.499)	(117.585.381.568)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(117.585.381.568)	17.958.130.161
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(42.773.731.931)	(135.543.511.729)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		659.308.825.981	807.017.999.258

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hải

Phụ trách kế toán

Vương Đức Hùng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	165.911.534.442	306.180.159.949
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		165.911.534.442	306.180.159.949
Giá vốn hàng bán	11	20	158.274.196.484	399.246.794.954
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.637.337.958	(93.066.635.005)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.731.713.090	15.181.204.448
Chi phí tài chính	22	22	27.698.920.537	29.654.393.273
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.279.526.492	26.657.959.233
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	19.477.089.291	24.741.143.016
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(37.806.958.780)	(132.280.966.846)
Thu nhập khác	31	23	3.555.238.012	2.221.160.587
Chi phí khác	32	24	8.522.011.163	5.483.705.470
Lợi nhuận khác	40		(4.966.773.151)	(3.262.544.883)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(42.773.731.931)	(135.543.511.729)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(42.773.731.931)	(135.543.511.729)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(4.153)	(13.160)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	(4.153)	(13.160)

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hải

Phụ trách kế toán

Vương Đức Hùng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(42.773.731.931)	(135.543.511.729)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		14.297.086.236	16.678.036.994
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.912.555.267	(7.662.719)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(3.489.620.460)	(2.005.279.874)
Chi phí lãi vay	06		23.279.526.492	26.657.959.233
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.774.184.396)	(94.220.458.095)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		112.536.150.958	124.115.596.173
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		18.601.202.585	138.669.536.859
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(65.544.033.308)	(103.536.239.724)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.424.313.970	(4.895.236.711)
Tiền lãi vay đã trả	14		(16.439.229.809)	(15.701.276.611)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(26.464.000)	(1.670.607.580)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(10.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		46.777.756.000	42.751.314.311
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.549.526.095	2.021.465.447
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.102.719	1.299.287
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.552.628.814	2.022.764.734
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		75.864.016.410	116.010.563.747
Tiền trả nợ gốc vay	34		(123.981.812.398)	(159.752.433.902)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(48.117.795.988)	(43.741.870.155)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.212.588.826	1.032.208.890
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	1.506.863.596	474.654.706
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	3.719.452.422	1.506.863.596

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hải



Vương Đức Hùng




Nguyễn Tiến Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty TNHH Nhà nước 1 thành viên Sông Đà 4 thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 1329/QĐ-BXD ngày 26/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000162 (số này đã điều chỉnh hình thành mã số doanh nghiệp là 5900189325) ngày 15/11/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp), lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 19/12/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 119 người (tại ngày 31/12/2023 là 361 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Xây dựng công trình và sản xuất điện năng.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng các công trình thủy điện);
- Xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông, đường bộ, công trình công nghiệp, dân dụng;
- Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 110KV;
- Đầu tư xây dựng khu công nghiệp và đô thị;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Chi tiết: Sản xuất vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, đường ống cấp thoát nước);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, đường ống cấp thoát nước);
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (chỉ có hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thiết bị cơ khí, cơ giới và công nghệ xây dựng).

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng với hoạt động sản xuất điện năng và trên 12 tháng đối với hoạt động xây dựng công trình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY**

Công ty có 7 đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4.05 (Chi nhánh đang tạm ngừng hoạt động từ ngày 01/12/2024);
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4.06 (Chi nhánh đang tạm ngừng hoạt động từ ngày 01/12/2024);
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Thành phố Hà Nội) (Chi nhánh đang tạm ngừng hoạt động);
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4.08 (Chi nhánh đang tạm ngừng hoạt động từ ngày 01/12/2024);
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4.09 (Chi nhánh đang tạm ngừng hoạt động từ ngày 01/12/2024);
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4.10 (Chi nhánh đang tạm ngừng hoạt động từ ngày 01/12/2024);
- Nhà máy Thủy điện Iagrai 3.

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

3.4 ĐẦU TƯ GÓP VỐN DÀI HẠN VÀO CÔNG TY KHÁC

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. C tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.4 ĐẦU TƯ GÓP VỐN DÀI HẠN VÀO CÔNG TY KHÁC (TIẾP)**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và các chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến giá thành sản phẩm của các công trình xây lắp.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, riêng giá xuất của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình xây lắp được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	09 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty.

- Chi phí sửa chữa trạm nghiên; chi phí coppha; công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra

3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí vật tư, ca máy phục vụ xây dựng công trình, chi phí lãi vay và các khoản chi phí trích trước khác là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

Đối với các khoản chi phí vật tư, ca máy phục vụ xây dựng công trình:

Việc ghi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn của các công trình tuân thủ các nguyên tắc:

Công ty chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn cho các công trình/hạng mục đã hoàn thành và được xác định là đã bán trong kỳ. Chi phí trích trước vào giá vốn là các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng. Số chi phí trích trước được tạm tính đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của công trình/hạng mục được xác định đã bán.

3.11 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty đã đánh giá lại số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được UBCK chấp thuận.

3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện, doanh thu hợp đồng xây dựng và doanh thu khác

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá áp dụng theo biểu giá chi phí tránh do Cục Điều tiết Điện lực Việt Nam ban hành hàng năm.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)***Doanh thu từ hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

3.16 GIÁ VỐN

Bao gồm giá vốn của hợp đồng xây dựng được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã được ghi nhận trong kỳ, theo nguyên tắc:

Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy;

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh;

Khi loại bỏ được các yếu tố không chắc chắn liên quan đến việc ước tính một cách đáng tin cậy kết quả thực hiện hợp đồng thì doanh thu và chi phí có liên quan tới hợp đồng xây dựng sẽ được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, giá vốn được xác định bằng “Dở dang đầu kì + Phát sinh trong kì – Dở dang cuối kì”. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được Công ty xác định trên cơ sở giá trị sản lượng dở dang không cao hơn giá trị dở dang cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi tiền vay, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.19 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.20 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Sản xuất điện.
- Lĩnh vực xây lắp và dịch vụ: Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ.

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	22.941.221	42.107.120
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.696.511.201	1.464.756.476
Cộng	3.719.452.422	1.506.863.596

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dài hạn	2.758.922.741	7.183.236.711
- Coppha các loại	1.163.754.679	3.749.907.321
- Các khoản khác	1.595.168.062	3.433.329.390
Cộng	2.758.922.741	7.183.236.711

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	10.445.280.000	(3.767.206.179)	(*)	10.445.280.000	(3.767.206.179)	(*)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	10.445.280.000	(3.767.206.179)	(*)	10.445.280.000	(3.767.206.179)	(*)
Cộng	10.445.280.000	(3.767.206.179)	(*)	10.445.280.000	(3.767.206.179)	(*)

(*) Tại ngày 31/12/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4

Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Mẫu số B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	361.130.573.046	(7.141.187.857)	461.905.399.549	(7.141.187.857)
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>62.007.022.899</i>	<i>-</i>	<i>61.813.119.901</i>	<i>-</i>
- Tổng công ty Sông Đà - CTCP	13.758.448.546	-	13.842.604.360	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	-	745.357.750	-
- BHH Dự án Thủy điện Yaly mở rộng	3.523.416.562	-	-	-
- BHH Dự án Thủy điện Lai Châu	1.882.915.287	-	1.882.915.287	-
- BHH Dự án Thủy điện Xékaman 1 (*)	42.842.242.504	-	45.342.242.504	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>299.123.550.147</i>	<i>(7.141.187.857)</i>	<i>400.092.279.648</i>	<i>(7.141.187.857)</i>
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất Xây dựng Đồng Mé Kông	72.472.194.480	-	75.432.194.480	-
- Công ty TNHH Hà Thành	61.507.500.420	-	61.507.500.420	-
- Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	108.126.869	-	7.370.126.869	-
- Công ty TNHH Điện gió Lạc Hòa 2	28.751.885.802	-	34.415.302.263	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 705	50.531.796.252	-	50.531.796.252	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông á	12.697.808.492	-	53.269.794.793	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đức Long - Gia Lai	27.562.985.000	(3.823.554.600)	29.412.985.000	(3.823.554.600)
- Công ty Cổ phần Thủy điện Pắc Ma	1.761.195.365	-	2.761.195.365	-
- Công ty Cổ phần Điện lực Tây Bắc	-	-	19.051.191.656	-
- Các khách hàng khác	43.730.057.467	(3.317.633.257)	66.340.192.550	(3.317.633.257)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	361.130.573.046	(7.141.187.857)	461.905.399.549	(7.141.187.857)

(*) Chi tiết tại Thuyết minh số 31.3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại số 8 Hà Nội	28.788.047.390	-	35.711.005.485	-
	10.540.757.259	-	12.817.209.306	-
- Công ty TNHH An Dân	5.260.388.650	-	5.260.388.650	-
- Công ty TNHH Xây dựng Đông Thuận An	4.540.000.000	-	4.540.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	8.446.901.481	-	13.093.407.529	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	28.788.047.390	-	35.711.005.485	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	6.973.194.595	-	9.997.156.719	-
- Công cụ, dụng cụ	154.808.922	-	257.148.539	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	123.270.367.464	-	138.745.268.308	-
+ Công trình thủy điện Xekaman 1 (*)	55.938.312.233	-	55.938.312.233	-
+ Công trình điện gió Thanh Phong	28.074.285.190	-	27.908.672.002	-
+ Công trình thủy điện Hồi Xuân	17.624.853.782	-	17.693.238.212	-
+ Các công trình khác	21.632.916.259	-	37.205.045.861	-
Cộng	130.398.370.981	-	148.999.573.566	-

(*) Chi tiết tại Thuyết minh số 31.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4

Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Mẫu số B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	41.040.541.726	(526.659.700)	43.716.985.340	(526.659.700)
Phải thu khác các bên liên quan	18.489.947.146	-	18.489.947.146	-
+ Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (lãi vay Xekaman 1)	18.489.947.146	-	18.489.947.146	-
Phải thu khác	22.550.594.580	(526.659.700)	25.227.038.194	(526.659.700)
- Tạm ứng	14.699.544.113	-	17.255.109.233	-
- Ký cược, ký quỹ	18.500.000	-	-	-
- Phải thu khác	7.832.550.467	(526.659.700)	7.971.928.961	(526.659.700)
+ Nông trường Bình Giáo	526.659.700	(526.659.700)	526.659.700	(526.659.700)
+ Phải thu người lao động	979.782.733	-	991.910.994	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vinacomin	5.010.767.615	-	5.010.767.615	-
+ Các khoản phải thu khác	1.315.340.419	-	1.442.590.652	-
b) Dài hạn	70.400.000	-	88.900.000	-
- Ký cược, ký quỹ	70.400.000	-	88.900.000	-
+ Ký quỹ, ký cược khác	70.400.000	-	88.900.000	-
Cộng	41.110.941.726	(526.659.700)	43.805.885.340	(526.659.700)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
	01/01/2024	178.524.681.447	132.044.208.725	58.873.559.098	395.843.182
	- Thanh lý, nhượng bán	-	(34.703.824.835)	(30.900.000)	(38.886.915.235)
31/12/2024	178.524.681.447	97.340.383.890	54.721.368.698	364.943.182	330.951.377.217
HAO MÒN LŨY KẾ					
	01/01/2024	(117.685.728.830)	(119.132.048.723)	(382.926.513)	(293.141.567.666)
	- Khấu hao trong năm	(7.353.199.692)	(5.338.741.954)	(10.333.332)	(14.297.086.236)
- Thanh lý, nhượng bán	-	34.640.816.481	4.152.190.400	30.900.000	38.823.906.881
31/12/2024	(125.038.928.522)	(89.829.974.196)	(53.383.484.458)	(362.359.845)	(268.614.747.021)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
	01/01/2024	60.838.952.617	12.912.160.002	12.916.669	76.696.724.786
	31/12/2024	53.485.752.925	7.510.409.694	1.337.884.240	62.336.630.196

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 13.389.281.849 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 18.897.248.146 đồng).
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 95.773.380.315 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 79.355.848.911 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4

Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>				
- Công ty Cổ phần Sông Đà 2	169.685.519.208	169.685.519.208	201.378.604.248	201.378.604.248
- Công ty Cổ phần Sông Đà 3	33.085.849.967	33.085.849.967	33.938.112.828	33.938.112.828
- Công ty Cổ phần Sông Đà 6	26.488.570.748	26.488.570.748	26.688.570.748	26.688.570.748
- Công ty Cổ phần Sông Đà 9	2.609.580.273	2.609.580.273	2.609.580.273	2.609.580.273
- Công ty Cổ phần Sông Đà 10	132.080.288	132.080.288	292.406.788	292.406.788
- Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1	1.418.058.135	1.418.058.135	1.418.058.135	1.418.058.135
- Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1	90.514.667	90.514.667	90.514.667	90.514.667
- Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1	649.195.475	649.195.475	649.195.475	649.195.475
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	771.875.000	771.875.000	1.021.875.000	1.021.875.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	925.975.381	925.975.381	1.167.911.742	1.167.911.742
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	136.599.669.241	136.599.669.241	167.440.491.420	167.440.491.420
- Công ty TNHH MTV Bảo Giáp	2.800.000.000	2.800.000.000	4.997.560.084	4.997.560.084
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trường Phát DST	7.033.825.617	7.033.825.617	7.828.194.411	7.828.194.411
- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Miền Trung	6.810.723.680	6.810.723.680	6.970.265.520	6.970.265.520
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Sản xuất và Thương mại Hoàng Nhân	-	-	7.409.946.770	7.409.946.770
- Công ty Cổ phần Tập đoàn IPC	6.674.952.996	6.674.952.996	6.674.952.996	6.674.952.996
- Công ty Cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội	9.710.953.002	9.710.953.002	9.710.953.002	9.710.953.002
- Các đối tượng khác	103.569.213.946	103.569.213.946	123.848.618.637	123.848.618.637
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	169.685.519.208	169.685.519.208	201.378.604.248	201.378.604.248

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4

Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Mẫu số B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	13.620.222.510	13.620.222.510	27.167.137.185	27.167.137.185
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	313.682.077	313.682.077	1.760.161.461	1.760.161.461
- BĐH dự án thủy điện Huội Quảng	313.682.077	313.682.077	313.682.077	313.682.077
- BĐH Dự án Nhà máy thủy điện Yaly mở rộng	-	-	1.446.479.384	1.446.479.384
Người mua trả tiền trước khác	13.306.540.433	13.306.540.433	25.406.975.724	25.406.975.724
- Công ty Cổ phần Long Việt	12.178.796.018	12.178.796.018	18.238.593.660	18.238.593.660
- UBND Huyện Kim Thành	-	-	5.277.546.250	5.277.546.250
- Các đối tượng khác	1.127.744.415	1.127.744.415	1.890.835.814	1.890.835.814
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	13.620.222.510	13.620.222.510	27.167.137.185	27.167.137.185

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp (*)	45.568.803.354	3.643.509.131	11.012.555.149	38.199.757.336
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.078.431.572	-	26.464.000	1.051.967.572
- Thuế thu nhập cá nhân	903.043.720	433.242.810	331.562.541	1.004.723.989
- Thuế tài nguyên	1.818.024.484	4.742.873.692	4.099.687.517	2.461.210.659
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	424.432.800	173.299.791	597.732.591	-
- Thuế bảo vệ môi trường	115.481.683	-	-	115.481.683
- Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.670.863.722	8.101.027.082	1.879.407.266	20.892.483.538
Cộng	64.579.081.335	17.101.952.506	17.955.409.064	63.725.624.777

(*) Các chi nhánh 4.05, 4.08, 4.09 là các Chi nhánh khai thuế Giá trị gia tăng (GTGT) riêng, đã bị phong tỏa hóa đơn do còn nợ thuế. Đặc biệt, Chi nhánh 4.09 không chỉ bị phong tỏa hóa đơn mà còn bị phong tỏa tài khoản. Do đó, doanh thu nội bộ mà các Chi nhánh này thực hiện cho Công ty năm 2019, 2020 và 2021 với tổng giá trị 471,5 tỷ đồng vẫn chưa được phát hành hóa đơn. Theo đó các Chi nhánh này chưa hạch toán thuế GTGT phải nộp tương ứng là 47,15 tỷ đồng. Trong trường hợp các Chi nhánh ghi nhận thuế GTGT đầu ra này, văn phòng Công ty tại Hà Nội sẽ ghi nhận thuế GTGT đầu vào được khấu trừ với số tiền tương ứng. Đến thời điểm 31/12/2024, tổng số nợ thuế quá hạn và các khoản phạt thuế do quá hạn theo thông báo của cơ quan thuế là hơn 55,42 tỷ đồng.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế và số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4

Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Vay ngắn hạn

Vay ngắn hạn

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Gia Lai (1)
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội (2)
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Đô Thành (3)
- Công ty CP Năng lượng Ecowin (4)
- Ông Phan Anh Dũng (5)
- Bà Nguyễn Thị Thương Linh (6)
- Công ty Cổ phần Long Việt
- Bà Ngô Thị Thu Mỹ (7)
- Bà Đinh Thị Hải Vượng (8)
- Bà Trần Thị Hiền

Nợ dài hạn đến hạn trả

- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội (2)
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (9)
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - chi nhánh Chiến Thắng

Vay dài hạn

- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (9)

Cộng

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Gia Lai (1)	216.050.528.227	216.050.528.227	77.377.492.971	120.665.213.534	259.338.248.790	259.338.248.790
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội (2)	208.014.100.974	208.014.100.974	73.501.912.355	119.821.433.565	254.333.622.184	254.333.622.184
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Đô Thành (3)	172.043.288.630	172.043.288.630	-	18.774.214.375	190.817.503.005	190.817.503.005
- Công ty CP Năng lượng Ecowin (4)	21.364.662.706	21.364.662.706	40.238.711.449	44.858.328.461	25.984.279.718	25.984.279.718
- Ông Phan Anh Dũng (5)	4.852.374.638	4.852.374.638	13.622.374.638	31.554.839.461	22.784.839.461	22.784.839.461
- Bà Nguyễn Thị Thương Linh (6)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty Cổ phần Long Việt	200.000.000	200.000.000	-	720.000.000	920.000.000	920.000.000
- Bà Ngô Thị Thu Mỹ (7)	3.480.000.000	3.480.000.000	-	500.000.000	3.980.000.000	3.980.000.000
- Bà Đinh Thị Hải Vượng (8)	-	-	406.551.268	3.206.551.268	2.800.000.000	2.800.000.000
- Bà Trần Thị Hiền	3.586.775.000	3.586.775.000	3.348.775.000	4.809.000.000	5.047.000.000	5.047.000.000
	487.000.000	487.000.000	1.710.500.000	1.223.500.000	-	-
	-	-	14.175.000.000	14.175.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	8.036.427.253	8.036.427.253	3.875.580.616	843.779.969	5.004.626.606	5.004.626.606
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội (2)	-	-	-	555.000.000	555.000.000	555.000.000
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (9)	8.036.427.253	8.036.427.253	3.875.580.616	179.832.051	4.340.678.688	4.340.678.688
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - chi nhánh Chiến Thắng	-	-	-	108.947.918	108.947.918	108.947.918
Vay dài hạn						
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (9)	52.219.675.860	52.219.675.860	3.940.421.254	4.945.386.145	53.224.640.751	53.224.640.751
	52.219.675.860	52.219.675.860	3.940.421.254	4.945.386.145	53.224.640.751	53.224.640.751
Cộng	268.270.204.087	268.270.204.087	81.317.914.225	125.610.599.679	312.562.889.541	312.562.889.541

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)***Thuyết minh bổ sung cho các khoản vay:*

- 1) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2023/369553/HĐTD ngày 26/05/2023 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai. Hạn mức cấp tín dụng là 341.292.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng là 6 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết đến ngày 31/01/2024. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất quy định cụ thể trong các hợp đồng, thỏa thuận ký kết. Biện pháp bảo đảm theo các hợp đồng bảo đảm được giao kết giữa Công ty CP Sông Đà 4 và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai.
- 2) Hợp đồng hạn mức số 01/24/QLN/CTD/VCBTHN ngày 03/01/2024 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội và Công ty Cổ phần Sông Đà 4. Hạn mức cấp tín dụng là 25.985.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết hoặc đến hết ngày 26/01/2025. Mục đích cấp tín dụng được quy định cụ thể trong các hợp đồng, thỏa thuận. Lãi suất quy định cụ thể trong các hợp đồng, thỏa thuận ký kết. Biện pháp bảo đảm theo các hợp đồng bảo đảm ký kết giữa Công ty CP Sông Đà 4 và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội.
- 3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT322-SD4 ngày 6/8/2024 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành và Công ty Cổ phần Sông Đà 4. Hạn mức cấp tín dụng là 21.285.000.000 đồng bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT322-SD4 ngày 30/6/2022. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết. Mục đích vay để phục vụ hoạt động thi công xây lắp của Công ty Cổ phần Sông Đà 4. Lãi suất quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Biện pháp bảo đảm theo các hợp đồng bảo đảm được giao kết giữa Công ty Cổ phần Sông Đà 4 và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành.
- 4) Khoản vay với Công ty Cổ phần Năng lượng Ecowin theo hợp đồng cho vay ngắn hạn ngày 08/07/2021, số tiền vay 2.000.000.000 đồng, mục đích để thi công xây dựng Dự án "Nhà máy điện gió Thanh Phong", và được đảm bảo trả nợ bởi Công ty Power China Chengdu Engineering Corporation Limited.
- 5) Hợp đồng vay ngắn hạn số 02/2021/HĐV/SD4-PAD ngày 21/07/2021 và Phụ lục 01 ngày 10/04/2022 về việc gia hạn thực hiện hợp đồng số 02/2021/HĐV/SD4-PAD. Số tiền vay 1.020.000.000 đồng. Thời gian vay 6 tháng. Lãi suất vay 9%/năm. Khoản vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm.
- 6) Hợp đồng vay ngắn hạn số 01.1/2021/HĐC/CN-SD4 ngày 21/04/2021 và Phụ lục 02 ngày 10/06/2022 về việc gia hạn thực hiện hợp đồng số 01.1/2021/HĐC/CN-SD4. Số tiền vay 3.980.000.000 đồng. Thời gian vay 3 tháng. Lãi suất vay 9%/năm. Hợp đồng vay không quy định Tài sản bảo đảm.
- 7) Khoản vay theo các hợp đồng sau:
 - + Hợp đồng cho vay ngắn hạn số 01/2024/HĐV/CN-SD4 ngày 05/02/2024. Số tiền vay 2.011.775.000 đồng. Thời gian vay 12 tháng. Lãi suất vay 9%/năm, mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động. Hợp đồng vay không có tài sản đảm bảo.
 - + Hợp đồng cho vay ngắn hạn số 05/2024/HĐV/CN-SD4 ngày 02/7/2024. Số tiền vay 1.337.000.000 đồng. Thời gian vay 12 tháng. Lãi suất vay 9%/năm, mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động. Hợp đồng vay không có tài sản đảm bảo.
- 8) Hợp đồng vay ngắn hạn số 02/2024/HĐV/CN-SD4 ngày 05/04/2024. Số tiền vay 1.177.500.000 đồng. Thời gian vay 12 tháng. Lãi suất vay 9%/năm. Hợp đồng vay không quy định Tài sản bảo đảm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê,
quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Mẫu số B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)*Thuyết minh bổ sung cho các khoản vay (Tiếp):*

- 9) Vay lại vốn vay ADB của Tổng Công ty Sông Đà theo hợp đồng vay số 03/2011/HĐTC-ADB/TĐSD-SD4 ngày 30/11/2011 với thời hạn vay là 25 năm; mục đích vay vốn từ khoản vay ADB nguồn vốn OCR để trả một phần nợ gốc khoản vay dài hạn dự án thủy điện Iagrai 3 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai; lãi suất: LIBOR + chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo (hiện đang là 0,2%/năm); lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; phí cho vay lại trả cho Tổng Công ty Sông Đà: 1%/năm trên số dư nợ gốc của khoản vay OCR; các loại phí khác do ADB thu (nếu có): theo thông báo của ADB; phí cam kết: 0,15%/năm tính trên số dư chưa rút vốn tại từng thời điểm theo quy định tại Mục 2.03, Điều 2 Hiệp định vay OCR; lãi, phí cam kết và các loại phí khác (nếu có) theo quy định của ADB được gốc hóa trong thời gian rút vốn của dự án trong quá trình thực hiện bên cho vay sẽ thông báo đến bên vay. Tài sản đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	63.329.294.280	75.247.572.086
- Chi phí vật tư, ca máy công trình	33.843.936.107	48.018.370.516
+ Công trình Trà Khúc 1	4.938.256.274	5.206.370.980
+ Công trình Điện gió Lạc Hòa 2	7.264.327.352	10.145.368.218
+ Công trình Đầu tư Viện thực phẩm chức năng	17.518.451.056	17.518.451.056
+ Công trình Thủy điện Hồi Xuân	1.299.232.514	1.299.232.514
+ Công trình đường giao thông Hải Dương	-	3.230.636.509
+ Công trình đường đưa F1	467.300.000	467.300.000
+ Công trình Thủy điện Sông Mã 3	2.356.368.911	10.151.011.239
- Chi phí lãi vay phải trả	29.346.469.285	27.161.019.752
- Các khoản trích trước khác	138.888.888	68.181.818
b) Dài hạn	-	-
Cộng	63.329.294.280	75.247.572.086

17. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	68.273.413.043	66.845.839.178
Phải trả khác là bên liên quan	7.074.478.290	2.419.631.140
- Lãi vay phải trả Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	7.074.478.290	2.419.631.140
Phải trả, phải nợ khác	61.198.934.753	64.426.208.038
- Kinh phí công đoàn	2.508.090.139	2.429.928.551
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	31.263.022.847	29.234.132.635
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.407.500.000	5.407.500.000
- Lương cán bộ nhân viên	7.235.645.542	9.466.579.242
- Phải trả, phải nợ khác	14.784.676.225	17.888.067.610
Cộng	68.273.413.043	66.845.839.178

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4

Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông,
thành phố Hà Nội

Mẫu số B09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND			VND	VND	
01/01/2023	103.000.000.000	1.312.526.753		48.268.739.046	17.958.130.161	170.539.395.960	
- Lỗ trong năm trước	-	-		-	(135.543.511.729)	(135.543.511.729)	
31/12/2023	103.000.000.000	1.312.526.753		48.268.739.046	(117.585.381.568)	34.995.884.231	
01/01/2024	103.000.000.000	1.312.526.753		48.268.739.046	(117.585.381.568)	34.995.884.231	
- Lỗ trong năm nay	-	-		-	(42.773.731.931)	(42.773.731.931)	
31/12/2024	103.000.000.000	1.312.526.753		48.268.739.046	(160.359.113.499)	(7.777.847.700)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**18.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	66.950.000.000	66.950.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	36.050.000.000	36.050.000.000
Cộng	103.000.000.000	103.000.000.000

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	103.000.000.000	103.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	103.000.000.000	103.000.000.000
- Cổ tức đã chia	-	-

18.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.300.000	10.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.300.000	10.300.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.300.000</i>	<i>10.300.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.300.000	10.300.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.300.000</i>	<i>10.300.000</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

18.5 CỔ TỨC

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, diễn ra vào ngày 28/04/2017, đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2016 bằng tiền với tỷ lệ 15% vốn điều lệ, tương ứng 15.450.000.000 đồng. Trên cơ sở đó, vào ngày 26/12/2017, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 71/QĐ.HĐQT về việc chi trả cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 15%, trong đó ngày chốt danh sách cổ đông là 08/01/2018 và thời gian thực hiện dự kiến vào ngày 20/02/2018. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã chi trả 10.042.500.000 đồng, còn lại 5.407.500.000 đồng chưa được thanh toán. Công ty đã nhiều lần gửi thông báo đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để gia hạn và điều chỉnh thời gian chi trả cổ tức năm 2016, lần gần đây nhất vào ngày 25/06/2024, theo đó thời gian chi trả được điều chỉnh sang ngày 30/06/2025.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 26/04/2018 và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 23/01/2019 và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 28/05/2020 cũng đã lần lượt thông qua phương án trả cổ tức năm 2017, năm 2018 bằng tiền với tỷ lệ 10% mỗi năm (tương ứng 10.300.000.000 đồng/năm) và năm 2019 là 5% (tương ứng 5.150.000.000 đồng). Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức năm 2017, năm 2018 và năm 2019. Việc chậm trễ thanh toán cổ tức như trên là chưa phù hợp với quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 4, Điều 135 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê,
quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Doanh thu	165.911.534.442	306.180.159.949
- Doanh thu hoạt động xây lắp	128.774.311.361	265.425.910.044
- Doanh thu bán điện	37.137.223.081	40.754.249.905
Cộng	165.911.534.442	306.180.159.949

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 36.3**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn hoạt động xây lắp	142.660.990.620	382.732.458.589
- Giá vốn hoạt động bán điện	15.613.205.864	16.514.336.365
Cộng	158.274.196.484	399.246.794.954

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.102.719	1.299.287
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.728.610.371	172.242.442
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	7.662.719
- Lãi bán hàng trả chậm	-	15.000.000.000
Cộng	1.731.713.090	15.181.204.448

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	23.279.526.492	26.657.959.233
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại trong năm	2.506.838.778	1.981.028.719
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	1.912.555.267	-
- Chi phí tài chính khác	-	1.015.405.321
Cộng	27.698.920.537	29.654.393.273

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê,
quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***23. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Thanh lý TSCĐ, phế liệu, CCDC	3.278.547.749	2.003.980.587
- Các khoản khác	276.690.263	217.180.000
Cộng	3.555.238.012	2.221.160.587

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Các khoản bị truy thu, phạt chậm nộp	8.469.292.091	5.275.685.355
- Các khoản chi phí khác	52.719.072	208.020.115
Cộng	8.522.011.163	5.483.705.470

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	13.309.321.288	17.200.058.319
- Chi phí vật liệu quản lý	608.031.090	118.923.597
- Chi phí đồ dùng văn phòng	16.687.323	-
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	861.838.981	992.795.335
- Thuế, phí và lệ phí	564.408.565	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.711.930.534	1.128.560.469
- Chi phí bằng tiền khác	2.404.871.510	5.300.805.296
Cộng	19.477.089.291	24.741.143.016

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	49.813.613.007	140.181.417.898
- Chi phí nhân công	24.597.986.788	46.506.457.999
- Khấu hao tài sản cố định	14.089.116.244	16.678.036.994
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.924.964.087	83.811.018.715
- Chi phí bằng tiền khác	10.850.704.805	12.124.374.376
Cộng	162.276.384.931	299.301.305.982

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê,
quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(42.773.731.931)	(135.543.511.729)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	34.676.213.226	85.588.920.558
- Các khoản phạt, truy thu thuế	8.469.292.091	5.124.396.643
- Chi phí lãi vay bị loại theo ND 132/2020/ND-CP	23.276.423.773	-
- Chi phí không hợp lý khác	2.930.497.362	80.464.523.915
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(8.097.518.705)	(49.954.591.171)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

28. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(42.773.731.931)	(135.543.511.729)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	10.300.000	10.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(4.153)	(13.160)

29. LỖ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lỗ suy giảm trên cổ phiếu bằng với lỗ cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: Dịch vụ xây lắp và sản xuất điện năng.

Chi tiêu	Dịch vụ xây lắp		Sản xuất điện năng		Tổng cộng	
	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
KẾT QUẢ KINH DOANH						
Doanh thu bộ phận	128.774.311.361	109.401.403.005	37.137.223.081	40.754.249.905	165.911.534.442	150.155.652.910
Chi phí bộ phận	162.138.079.911	142.305.691.144	15.613.205.864	20.199.295.717	177.751.285.775	162.504.986.861
Lãi, lỗ từ hoạt động kinh doanh	(33.363.768.550)	(32.904.288.139)	21.524.017.217	20.554.954.188	(11.839.751.333)	(12.349.333.951)
Chi phí lãi vay thuần	(18.742.641.644)	(14.574.322.512)	(4.533.782.129)	(3.829.878.154)	(23.276.423.773)	(18.404.200.666)
Lãi, lỗ hoạt động tài chính khác	(2.690.783.674)	14.887.967.229	-	-	(2.690.783.674)	14.887.967.229
Lãi, lỗ hoạt động tài chính	(21.433.425.318)	313.644.717	(4.533.782.129)	(3.829.878.154)	(25.967.207.447)	(3.516.233.437)
Thu nhập khác	3.555.238.012	1.564.815.818	-	-	3.555.238.012	1.564.815.818
Chi phí khác	8.160.842.691	1.524.087.964	361.168.472	412.051.676	8.522.011.163	1.936.139.640
Lãi, lỗ từ hoạt động kinh doanh khác	(4.605.604.679)	40.727.854	(361.168.472)	(412.051.676)	(4.966.773.151)	(371.323.822)
Lợi nhuận trước thuế	(59.402.798.547)	(32.549.915.568)	16.629.066.616	16.313.024.358	(42.773.731.931)	(135.543.511.729)
Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(59.402.798.547)	(32.549.915.568)	16.629.066.616	16.313.024.358	(42.773.731.931)	(135.543.511.729)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn	582.777.756.172	711.466.332.991	4.687.043.051	4.904.730.949	587.464.799.223	716.371.063.940
Tài sản dài hạn	23.088.664.290	35.223.711.558	48.755.362.468	55.423.223.760	71.844.026.758	90.646.935.318
Tổng tài sản	605.866.420.462	746.690.044.549	53.442.405.519	60.327.954.709	659.308.825.981	807.017.999.258
NỢ PHẢI TRẢ						
Nợ ngắn hạn	610.773.497.200	713.468.733.627	2.464.713.340	5.328.740.649	613.238.210.540	718.797.474.276
Nợ dài hạn	16.162.060.835	14.538.451.049	37.686.402.306	38.686.189.702	53.848.463.141	53.224.640.751
Tổng nợ phải trả	626.935.558.035	728.007.184.676	40.151.115.646	44.014.930.351	667.086.673.681	772.022.115.027
Khấu hao	10.961.610.466	15.896.182.995	3.335.475.770	781.853.999	14.297.086.236	16.678.036.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC**31.1 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

31.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Tên đơn vị	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xekaman 1	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Ban điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Ban điều hành Dự án Thủy Điện Lai Châu	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Công ty liên kết

Thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý khác

Tên	Chức vụ	Nội dung	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Đặng Văn Chiến	Chủ tịch HĐQT	Lương	413.016.435	416.217.905
Ông Hồ Sỹ Hùng	Thành viên HĐQT	Thù lao	-	24.750.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	Lương	412.119.229	415.634.503
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Thành viên HĐQT	Lương	-	47.565.217
Ông Phạm Tú Mậu	Phó Tổng Giám đốc	Lương	296.210.264	298.274.476
Ông Vương Đắc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Lương	296.210.264	298.005.038
Ông Đoàn Hùng Trường	Thành viên HĐQT	Thù lao	-	60.000.000
Ông Vũ Hải Phong	Thành viên HĐQT	Lương	258.740.802	261.501.844
Ông Lê Tấn Trường	Phó Tổng Giám đốc	Lương	-	298.274.476
Ông Trần Đức Minh	Kế toán trưởng	Lương	66.651.515	285.903.080
Ông Phạm Văn Trọng	Trưởng Ban kiểm soát	Lương	238.482.991	239.638.112
Bà Phạm Thị Cao Thanh	Ban kiểm soát	Thù lao	-	14.850.000
Bà Vũ Thùy Chi	Ban kiểm soát	Thù lao	-	36.000.000
Ông Đỗ Đình Toàn	Ban kiểm soát	Lương	169.598.943	230.665.614
Cộng			2.151.030.443	2.927.280.265

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**31.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Bán hàng	14.025.479.016	2.641.285.378
- Công ty CP Sông Đà 5	-	2.555.743.354
- Ban điều hành Dự án Thủy điện Xekaman 1	-	85.542.024
- BDH dự án thủy điện Yaly mở rộng	14.025.479.016	-
Mua hàng	1.746.072.276	3.172.126.913
- Tổng công ty Sông Đà- CTCP	50.156.036	1.221.732.687
- Công ty CP Sông Đà 5	-	-
- Công ty CP Sông Đà 6	416.732.738	497.391.954
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	937.500.000	1.021.875.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	341.683.502	431.127.272
Chi phí lãi vay	4.654.847.150	3.952.655.749
- Tổng Công ty Sông Đà	4.654.847.150	3.952.655.749

31.3 THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN XEKAMAN 1

Như trình bày tại điểm (*) của Thuyết minh số 7 và Thuyết minh số 9, tại ngày 31/12/2024, Nợ phải thu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 1 hiện ghi nhận trên Báo cáo tài chính của Công ty lần lượt là 42.842.242.504 đồng và 55.938.312.233 đồng. Công trình Thủy điện Xekaman 1 đã hoàn thành và đi vào phát điện cuối năm 2016 nhưng cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính, các hạng mục dở dang nêu trên vẫn đang trong quá trình nghiệm thu, bù giá.

Theo điều khoản thanh toán của Hợp đồng 08/2007/HĐ-SĐ về việc thi công một số hạng mục Công trình Thủy điện Xekaman 1 và các Phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo, Tổng Công ty Sông Đà (bên giao thầu) sẽ thanh toán cho Công ty (bên nhận thầu) ngay sau khi được Chủ đầu tư (Công ty Cổ phần Điện Việt Lào) thanh toán. Phương thức và tỷ lệ thanh toán theo quy định trong Hợp đồng ký giữa Tổng Công ty và Chủ đầu tư và các quy định khác liên quan của Tổng Công ty Sông Đà.

31.4 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại thời điểm 31/12/2024, trên bảng Cân đối kế toán của Công ty, chỉ tiêu Nợ ngắn hạn đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 25,78 tỷ đồng, đồng thời lỗ lũy kế âm 160,36 tỷ đồng, Vốn chủ sở hữu âm 7,78 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Công ty chậm chi trả Cổ tức nhiều năm, nợ các khoản bảo hiểm với số tiền 31,26 tỷ đồng và nợ các khoản thuế với tổng số tiền 55,42 tỷ đồng chi tiết tại thuyết minh 14, 17 và 18.5. Những dấu hiệu này cho thấy yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn diễn ra bình thường và đang nỗ lực thu hồi công nợ để đảm bảo nguồn chi trả cổ tức cho cổ đông cũng như các khoản công nợ tồn đọng, do đó Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4

Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê,
quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Sông Đà 4 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hải

Phụ trách kế toán

Vương Đức Hùng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 4

Số: 55 CT/TCKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----***-----

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ

KÍNH GỬI: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Căn cứ:

- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số: 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 Công ty CP Sông Đà 4 chúng tôi trân trọng thông báo về việc thay đổi nhân sự của Công ty cổ phần Sông Đà 4 như sau:

Trường hợp bổ nhiệm:

1. Ông : Trần Văn Minh

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm: Kế toán trưởng chi nhánh Công ty CP Sông Đà 4 nhà máy Thủy điện Iagrai 3
- Chức vụ được bổ nhiệm: Thành viên Ban kiểm soát
- Thời hạn bổ nhiệm: Nhiệm kỳ 2023 - 2028
- Ngày bắt đầu có hiệu lực: 28/04/2025

Trường hợp miễn nhiệm/từ nhiệm:

1. Ông Đỗ Đình Thoàn

- Không còn đảm nhận chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát
- Lý do miễn nhiệm (nếu có):
- Ngày bắt đầu có hiệu lực: 28/04/2025.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/04/25 tại đường dẫn: <http://www.songda4.vn/tin-tuc/hoat-dong-san-xuat/thong-bao-thay-doi-nhan-su-1>.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, PTCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Dũng

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 4

Mục VII phụ lục V (Ban hành kèm theo thông tư 96/2020/TT- BTC)

1. Danh sách người có liên quan của Công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 luật chứng khoán

BÁO CÁO NĂM 2025

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 4

Mục VII phụ lục V (Ban hành kèm theo thông tư 96/2020/TT- BTC)

1. Danh sách người có liên quan của Công ty (Theo khoản 45 và 46, Điều 4 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 quy định về Người nội bộ và Người có liên quan)

BÁO CÁO NĂM 2025

STT	Tên cá nhân	Chức vụ tại công ty	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
1	2	3	9	10	11	12
1	Đặng Văn Chiến	Chủ tịch Hội đồng quản trị	03/05/2017			
	Đặng Ngọc Xuất		03/05/2017			Bố đẻ
	Nguyễn Thị Vui		03/05/2017			Mẹ đẻ
	Lưu Thị Túc		03/05/2017			Mẹ kế
	Đặng Tuấn Anh		03/05/2017			con trai
	Đặng Hoàng Anh		03/05/2017			con trai
	Đặng Văn Thanh		03/05/2017			Anh Trai
	Phùng Thị Tuyết		03/05/2017			Chị dâu
	Đặng Văn An		03/05/2017			Anh Trai
	Nguễn Thị Hoa		03/05/2017			Chị dâu
	Đặng Ngọc Quyết		03/05/2017			Anh Trai
	Hà Thị Thu Hằng		03/05/2017			Chị dâu
	Đặng Thị Tâm		03/05/2017			Chị gái
	Đặng Văn Miên		03/05/2017			Anh rể
	Đặng Thị Đào		03/05/2017			Em gái (Đã mất)
	Đặng Ngọc Kiệm		03/05/2017			Anh rể
	Đặng Ngọc Lợi		03/05/2017			Em trai
	Nguyễn Thị Lan Anh		03/05/2017			em dâu
2	Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT, TGD Công ty	07/05/2013			
	Nguyễn Văn Năm					Bố đẻ
	Nguyễn Thị Định					Mẹ đẻ
	Lã Văn Thông					Bố vợ
	Bùi Thị Trinh					Mẹ vợ
	Lã Thị Lan					Vợ
	Nguyễn Anh Thư					Con đẻ

STT	Tên cá nhân	Chức vụ tại công ty	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
1	2	3	9	10	11	12
	Nguyễn Tiến Mạnh Hà					Con đẻ
	Nguyễn Quốc Hùng					Anh trai
	Nguyễn Trung Kiên					Em trai
	Nguyễn Thùy Dương					Em dâu
	Lã Văn Thương					Anh vợ
	Lã Thúy Hạnh					Em vợ
	Lã Bích Hồng					Em vợ
4	Vương Đắc Hùng	TV HĐQT P.TGD Công ty	09/08/2018			
	Vương Đắc Trung		09/08/2018			Bố đẻ
	Xuân Thị Tơ		09/08/2018			Mẹ đẻ
	Vương Tuấn Kiệt		09/08/2018			Con đẻ
	Vương Tuấn Khải		09/08/2018			Con đẻ
	Đắc Thị Liên		09/08/2018			Chị gái
	Nghiêm Văn Chính		09/08/2018			Anh rể
	Đắc Thị Hoàn		09/08/2018			Chị gái
	Vương Trí Mạnh		09/08/2018			Anh rể
	Đắc Thị Toàn		09/08/2018			Chị gái
	Dương Đình Hiệp		09/08/2018			Anh rể
	Vương Đắc Dũng		09/08/2018			Anh Trai
	Trần Thị Khang		09/08/2018			Chị dâu
	Vương Đắc Hào		09/08/2018			Em trai
	An Thị Tuyết Mai		09/08/2018			Em dâu
	Vương Đắc Bảy		09/08/2018			Em trai
	Bùi Thị Phương		09/08/2018			Em dâu
5	Đoàn Hùng Trường	TV Ban kiểm soát	28/06/2022			
	Trần Hùng Sơn		28/06/22			Bố đẻ
	Đào Thị Thảo		28/06/22			Mẹ đẻ
	Đoàn Ngọc Minh Châu		28/06/22			Con đẻ
	Đoàn Trường Phúc		28/06/22			Con đẻ
	Đoàn Thị Phương		28/06/22			Em gái
6	Vũ Hải Phong	Thành viên HĐQT	15/06/2023			
	Vũ Đức Tuy		15/06/2023			Bố đẻ
	Nguyễn Thị Toàn		15/06/2023			Mẹ đẻ (Đã mất)
	Dặng Hồng Thái		15/06/2023			Bố vợ
	Trương Thị Phúc		15/06/2023			Mẹ vợ

STT	Tên cá nhân	Chức vụ tại công ty	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
1	2	3	9	10	11	12
	Đặng Thị Ngọc		15/06/2023			Vợ
	Vũ Đức Cần		15/06/2023			Con đẻ
	Vũ Hải San		15/06/2023			Con đẻ
	Vũ Thị Hương Giang		15/06/2023			Em trai
	Vũ Đức Xuân Phùng		15/06/2023			Em trai
	Đặng Quốc Hùng		15/06/2023			Anh vợ
	Đặng Quốc Tuấn		15/06/2023			Anh vợ (Đã mất)
8	Phạm Tú Mậu	Phó tổng giám đốc Công ty	25/09/2014			
	Phạm Nam Đầu		25/09/2014			Bố đẻ (Đã mất)
	Đàm Thị Hường		25/09/2014			Mẹ đẻ
	Đinh Văn Thịnh		25/09/2014			Bố vợ
	Quách Thị Vang		25/09/2014			Mẹ vợ
	Phạm Thị Bằng		25/09/2014			Chị gái
	Lê Quang Thanh		25/09/2014			Anh rể
	Phạm Đức Hậu		25/09/2014			Anh trai
	Vũ Thị Thất		25/09/2014			Chị dâu (Đã mất)
	Phạm Hoàng Anh		25/09/2014			Chị gái
	Nguyễn Hồng Thanh		25/09/2014			Anh rể
	Phạm Thị Hương		25/09/2014			Em gái
	Trần Thế Thiện		25/09/2014			Em rể(Đã mất)
	Đinh Thị Hải Vượng		25/09/2014			Vợ
	Phạm Cảnh Khuê		25/09/2014			Con đẻ
	Phạm Quốc Khánh		25/09/2014			Con đẻ
	Đinh Thị Phương		25/09/2014			Em vợ
	Đinh Thị Châm		25/09/2014			Em vợ
10	Phạm Văn Trọng	TB Kiểm soát	30/06/21			
	Phạm Huy Sơn		30/06/21			Bố đẻ (Đã mất)
	Nguyễn Thị Bích		30/06/21			Bố đẻ (Đã mất)
	Nguyễn Công Đương		30/06/21			Bố vợ (đã mất)
	Nguyễn Thị Diệu		30/06/21			Mẹ vợ
	Phạm Thị Biển		30/06/21			Chị gái (Đã mất)
	Phạm Thị Tuyết		30/06/21			Chị gái (Đã mất)
	Phạm Văn Đại		30/06/21			em trai
	Phạm Thị Đông		30/06/21			Em gái

STT	Tên cá nhân	Chức vụ tại công ty	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
1	2	3	9	10	11	12
	Nguyễn Thị Ngọc Trang		30/06/21			Vợ
	Phạm Thu Thủy		30/06/21			Con đẻ
	Đoàn Minh Đức		30/06/21			Con rể
	Phạm Bá Long		30/06/21			Con trai
	Nguyễn Trãi		30/06/21			Em vợ
11	Trần Văn Minh	TV Ban kiểm soát	28/04/25			
	Trần Văn Quyết		28/04/25			Bố đẻ (Đã mất)
	Giang Thị Khuôn		28/04/25			Mẹ đẻ
	Nguyễn Văn Tịch		28/04/25			Bố vợ
	Nguyễn Thị Lợi		28/04/25			Mẹ vợ (Đã mất)
	Nguyễn Thị Diệu		28/04/25			Vợ
	Trần Đạt Vỹ		28/04/25			Con trai
	Trần Thị Tú Viên		28/04/25			Con gái
	Trần Thị Chính		28/04/25			Chị gái
	Trần Văn Quyết		28/04/25			Anh trai
	Trần Văn Khiên		28/04/25			Anh trai
	Trần Văn Khái		28/04/25			Anh trai
	Trần Thị Yên		28/04/25			Chị gái
	Trần Thị Liên		28/04/25			Chị gái
	Trần Thị Yến		28/04/25			Em gái
	Nguyễn Thị Hòa		28/04/25			Chị vợ
	Nguyễn Thị Hà		28/04/25			Chị vợ
	Nguyễn Thị Vân		28/04/25			em vợ
	Nguyễn Thị Kiều		28/04/25			em vợ
	Nguyễn Thị Châu		28/04/25			em vợ
	Nguyễn Thị Cúc		28/04/25			em vợ
12	Vũ Thùy Chi	TV Ban kiểm soát	15/06/23			
	Vũ Quang Dương		15/06/23			Bố đẻ
	Trần Thị Thanh		15/06/23			Mẹ đẻ
	Phạm Văn Tuất		15/06/23			Bố chồng
	Trần Thị Thanh		15/06/23			Mẹ chồng
	Vũ Diệu Mai		15/06/23			Chị gái
	Nguyễn Xuân Duệ		15/06/23			Anh rể
	Phạm Cao Cường		15/06/23			Chồng

STT	Tên cá nhân	Chức vụ tại công ty	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
1	2	3	9	10	11	12
	Phạm Ngọc Minh Tâm		15/06/23			Con đẻ
	Phạm Ngọc Minh Dương		15/06/23			Con đẻ
	Phạm Ngọc Minh Nguyệt		15/06/23			Con đẻ
	Phạm Ngọc Quang		15/06/23			Em chồng
13	Tổng công ty Sông Đà - CTCP		2007			Chịu chung sự kiểm soát
14	Công ty TNHH TM Hạ tầng Sông Đà		2007			Chịu chung sự kiểm soát
15	Công ty CP Đầu tư Phát triển điện Sê San 3A		2007			Chịu chung sự kiểm soát
16	Công ty CP Thủy Điện Cản Đơn		2007			Chịu chung sự kiểm soát
17	Công ty Cp Sông Đà 3		2007			Chịu chung sự kiểm soát
18	Công ty Cp Sông Đà 5		2007			Chịu chung sự kiểm soát
19	Công ty Cp Sông Đà 6		2007			Chịu chung sự kiểm soát
20	Công ty Cp Sông Đà 9		2007			Chịu chung sự kiểm soát
21	Công ty Cp Sông Đà 10		2007			Chịu chung sự kiểm soát
22	Công ty CP Tư Vấn Sông Đà		2007			Chịu chung sự kiểm soát
23	Công ty TNHH Tư vấn Ucrin		2007			Chịu chung sự kiểm soát

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025

CHỦ TỊCH HĐQT

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



Dặng Văn Chiến